

# SÁNG MÃI TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

Đức Thanh

**C**hủ tịch Hồ Chí Minh là người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân và của cả dân tộc Việt Nam, một chiến sĩ xuất sắc, một nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc.

Ở Hồ Chí Minh, đạo đức đã đạt tới một sự thống nhất chặt chẽ giữa nói và làm, giữa đời công và đời tư, giữa đạo đức cách mạng và đạo đức đời thường. Do đó, Người đã trở thành “tinh hoa và khí phách, lương tâm và vinh dự”, thành biểu tượng của đạo đức và văn minh, không phải chỉ của Đảng ta, dân tộc ta, mà còn là biểu tượng của đạo đức - văn minh nhân loại. Đúng như bạn bè quốc tế đã đánh giá: “Giữa lúc vàng thau lẫn lộn, đồng chí Hồ Chí Minh trở thành trung tâm và tượng trưng cho cuộc xung đột lớn lao đang diễn ra giữa cái cũ và cái mới, giữa chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa xã hội. Sở dĩ bản anh hùng ca Việt Nam thu hút được lòng yêu mến của hàng trăm triệu người trên thế giới, chính là vì nó được tiêu biểu bởi nhân vật phi thường đó”.

Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đã làm trong sáng thêm lương tâm của dân tộc và của loài người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hiến dâng cả cuộc đời và sự nghiệp của mình cho dân tộc và nhân loại. Con người, cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Người là một chỉnh thể thống nhất, ở đó có mối liên hệ hữu cơ không thể tách rời giữa tư tưởng và hành động, giữa lý luận và thực tiễn, trong suy nghĩ và cách ứng xử. Cả cuộc đời Người hành động để cứu dân, cứu nước, cho nước nhà được độc lập, đồng bào ta được tự do, ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành, mọi người tiến bộ, sống nhân ái, hạnh

phúc - đó là lẽ sống của Người.

“Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta, đã sinh ra Hồ Chủ Tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta”. Điều đó đã trở thành chân lý làm rung động con tim mỗi người Việt Nam khi nhắc đến tên người - Bác Hồ muôn vàn kính yêu.

Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là một tấm gương đạo đức của một vĩ nhân, một lãnh tụ cách mạng vĩ đại, một người cộng sản vĩ đại, nhưng đó đồng thời cũng là tấm gương đạo đức của người bình thường, ai cũng có thể học theo để làm một người cách mạng, một người công dân tốt hơn.

“Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, đó là lý tưởng, là lẽ sống mà cũng là học thuyết chính trị - đạo đức của Hồ Chí Minh, của dân tộc Việt Nam. Ham muốn tốt bậc của Người là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.

Chính ham muốn mãnh liệt ấy đã tạo cho Người một ý chí, một nghị lực phi thường để “giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục”. Cho đến khi phải từ biệt thế giới này, điều luyện tểc duy nhất của Người vẫn chỉ là “không được phục vụ nhân dân lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”.

Đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức của một bậc đại trí, đại đồng, hy sinh chẳng quản, gian nguy không sờn. Đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức của tinh thần: Thắng không kiêu, khó không nản. Cuộc đời Hồ Chí Minh là một chuỗi những năm tháng vô cùng gian khổ: Hai lần ngồi tù,

### *Bác Hồ thử máy cấy tại Trại thí nghiệm lúa thuộc Sở Nông lâm Hà Nội, năm 1960*

một lần lãnh án tử hình; có giai đoạn hoạt động rất sôi nổi, được đánh giá cao, có giai đoạn bị hiểu lầm, ngộ nhận, lâm vào cảnh “như là sống ở bên lề, ở bên ngoài của Đảng”. Vượt qua được thử thách khổ ải, tù đầy đã rất khó, nhưng vượt qua được thử thách do bị hiểu lầm, nghi kỵ còn day dứt hơn nhiều. Để kiên trì chân lý, giữ vững quan điểm độc lập, tự chủ, Người đã bình tĩnh, chủ động vượt qua những năm tháng khó khăn đó. Lê-nin từng nói: Không sợ đói, không sợ chết, chỉ sợ không chiến thắng được phút yếu đuối của bản thân. Trong khó khăn, Người vẫn luôn luôn “tự khuyên mình”: Muốn nên sự nghiệp lớn, tinh thần càng phải cao. Dù có lúc phải “hóa lệ thành thơ” thì điều đó cũng chỉ vì nhân dân, vì tổ quốc chứ không phải vì cảnh ngộ cá nhân.

Đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức của một lãnh tụ hết lòng thương yêu, quý trọng đối với nhân dân, luôn luôn tin tưởng vào trí tuệ và sức mạnh của nhân dân, cho nên mọi chủ trương,

chính sách đều xuất phát từ nhu cầu và lợi ích của nhân dân, luôn luôn dựa vào dân, “lấy dân làm gốc”. Người giáo dục cán bộ phải nêu cao tinh thần phục vụ, tinh thần trách nhiệm trước nhân dân, phải chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bởi “nếu nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc, tự do thì độc lập cũng không có nghĩa lý gì”.

Để làm tròn trách nhiệm là người đầy tớ trung thành của nhân dân, Người dạy cán bộ phải gần dân, hiểu tâm lý, nguyện vọng của dân, lắng nghe ý kiến của dân, của “những người không quan trọng”, không được lên mặt “quan cách mạng”, cậy quyền, cậy thế, đề đầu cưỡi cổ dân. Mặc dù uy tín rất cao, có sức hấp dẫn rất lớn, được toàn dân suy tôn là “Cha già của dân tộc” nhưng không bao giờ Người xem mình đứng cao hơn nhân dân. Người coi việc phải gánh chức Chủ tịch cũng như việc “người lính vâng mệnh lệnh quốc dân ra mặt trận”. Nhận được thư, quà chúc mừng của nhân dân, dù bận trăm

công nghìn việc, Người vẫn tự tay viết thư trả lời, cảm ơn một cách thân tình, chu đáo, nêu một tấm gương ứng xử rất văn hóa, đầy khiêm nhường và kính trọng đối với nhân dân.

Đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức nhân ái, vị tha, khoan dung, nhân hậu hết mực. Bác Hồ là “muôn vàn tình thân yêu” đối với đồng chí, đồng bào. Trong tình yêu thương đó, có chỗ cho mọi người, không quên, không bỏ sót một ai. Trái tim mênh mông của người ôm trọn mọi nỗi đau khổ của nhân dân. Người nói một cách cảm động: “Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng; gộp những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi”. Tình thương yêu đó được mở rộng đối với nhân dân lao động toàn thế giới. Đối với những người lầm lạc, ngay cả đối với những người chống đối hay kẻ thù, Người cũng thể hiện một lòng khoan dung, độ lượng hiếm có. Kẻ thù xâm lược đã gây nên bao tội ác man rợ đối với nhân dân ta, nhưng khi chúng ta đã thất thế, đầu hàng hay bị bắt, Người luôn luôn nhắc nhở chúng ta phải đối xử với chúng một cách khoan hồng, phải làm “cho thế giới biết rằng ta là một dân tộc văn minh, văn minh hơn bọn đi giết người, cướp nước”.

Đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và đức khiêm tốn phi thường. Cần kiệm, giản dị, ít lòng ham muốn về vật chất, đó là “tư cách của người cách mạng”. Người đề ra và tự mình gương mẫu thực hiện. Cũng như V.I.Lê-nin, Người coi khinh mọi sự xa hoa, không ưa chuộng những nghi thức trang trọng. Một cốt cách giản dị, một sự giản dị vĩ đại. Đó là một cuộc đời trong sạch, suốt đời thực hành cần kiệm, liêm chính.

Nét nổi bật trong đạo đức Hồ Chí Minh là sự khiêm tốn phi thường. Mặc dù có công lao rất

*Bác Hồ tham gia Tết trồng cây tại Bát Bạt (Sơn Đà, Ba Vì, Hà Tây) năm 1969*

lớn, Người không để ai sùng bái cá nhân mình, mà luôn luôn nêu cao sự nghiệp anh hùng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Người nói: Quân chúng mới là người làm nên lịch sử và lịch sử là lịch sử của chính họ chứ không phải của một cá nhân anh hùng nào.

Bấy nhiêu đức tính cao cả chung đúc lại trong một con người đã làm cho tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh trở nên siêu việt, vô song, “khó ai có thể vượt hơn. Nhưng với sự kết hợp những đức tính đó, Người còn là tấm gương mà nhiều người khác có thể noi theo”.

Tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đã làm trong sáng thêm lương tâm của dân tộc và của loài người./.

# HAI MƯƠI SÁU MÙA XUÂN ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG

Thanh Nga

Sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ta 82 năm qua, đặc biệt trong công cuộc đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội không gì khác hơn là cuộc vận động biện chứng của trí tuệ, bản lĩnh và năng lực hoạt động thực tiễn của Đảng.

Mùa Xuân năm 1986, Đảng đã quyết định đường lối đổi mới và nội dung cụ thể của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Sự đổi mới về tư duy, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, đổi mới nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên CNXH ở nước ta, đó là khâu đột phá. Đảng khẳng định lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm, kết hợp từng bước đổi mới chính trị. Đây không chỉ là sự lựa chọn của lý trí qua việc nhận thức và tổng kết thực tiễn mà còn thể hiện bản lĩnh của Đảng ta, không rập khuôn theo kinh nghiệm của nước nào. Như vậy, công cuộc đổi mới ngay từ đầu là sản phẩm của trí tuệ và bản lĩnh của Đảng.

Sau một phần tư thế kỷ đổi mới, Đảng ta tiếp tục đổi mới tư duy, phát huy trí tuệ của toàn Đảng, khơi nguồn sức mạnh toàn dân, nâng cao bản lĩnh chính trị, tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới vào chiều sâu, ngày càng đạt nhiều thành tựu quan trọng.

Đại hội Đảng lần thứ XI, diễn ra vào mùa Xuân cách đây vừa tròn một năm, mở ra một chương mới trong lịch sử cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Nghị quyết Đại hội đã và đang đi sâu và bén rễ trong đời sống. Việc làm rõ những thành tựu nổi bật, những yếu kém tồn tại và những bài học kinh nghiệm trong suốt một phần tư thế kỷ, nhất là trong nhiệm kỳ trước, thêm một lần nữa khẳng định bản lĩnh của Đảng ta, với tinh thần không né tránh, nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật và dự báo, đề ra những

nhiệm vụ và đường lối đúng đắn cho sự nghiệp đổi mới tiếp theo.

Vấn đề cơ bản và cực kỳ quan trọng là xác định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Trên cơ sở khẳng định tính đúng đắn của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, được thông qua tại các Đại hội trước đây, Đảng và nhân dân ta một lần nữa khẳng định dứt khoát xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa, trên nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Khẳng định lại quyết tâm đi theo con đường đã chọn là chủ nghĩa xã hội dù khó khăn, gian khổ, lâu dài là trí tuệ và bản lĩnh của Đảng.

Một điểm mới sáng lên tầm nhìn và trí tuệ Đảng ta trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đó là giải quyết nhiều mối quan hệ đan xen, vừa thống nhất vừa mâu thuẫn về lợi ích. Đảng ta cho rằng nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh. Sau 26 năm đổi mới, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đưa nước ta từ một nước nghèo trở thành quốc gia có mức thu nhập trung bình trên thế giới, từng bước tiếp tục tiến lên sánh vai với các cường quốc năm châu.

Ngày 3 tháng 2 năm nay, Đảng và nhân dân ta long trọng kỷ niệm 82 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh. Trong không khí xuân nao nức chúng ta càng thêm vững tin vào trí tuệ và bản lĩnh của Đảng ta./.

# BÁC HỒ VỚI BẮC GIANG

Đỗ Thủy

**C**hủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới, người thầy của cách mạng Việt Nam, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Bác Hồ kính yêu của chúng ta không còn nữa, nhưng hình ảnh, tư tưởng của Người mãi mãi tỏa sáng và soi đường cho cách mạng nước ta, ngày nay Đảng và nhân dân ta đang tiếp tục đi theo con đường cách mạng mà Người đã vạch ra cho đến thắng lợi cuối cùng. Với cương vị là lãnh tụ tối cao của Đảng, Bác Hồ đã về thăm Bắc Giang 5 lần kể từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Đây là niềm vinh dự và tự hào của đồng bào các dân tộc tỉnh Bắc Giang.

Hàng năm, cứ mỗi độ xuân về, khi những hạt mưa xuân nhẹ bay trong tiết trời se lạnh, chúng ta lại bồi hồi khi nghĩ đến vị Chủ tịch nước đầu tiên của dân tộc, người dù bận trăm công nghìn việc nhưng vẫn không quên chăm lo đến đời sống của những người dân lao động. Bắc Giang là một trong số những địa phương được vinh dự đón Bác về thăm vào dịp Tết năm 1955. Dù Bác đã đi xa, nhưng những kỷ niệm ngày Bác về thăm nhân dân Bắc Giang xuân Ất Mùi năm ấy, vẫn như hiển hiện trước mắt chúng ta.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ được ít lâu, cầu Phủ Lạng Thương buộc phải lật xuống lòng sông để ngăn chặn bước tiến của quân thù. Khi bóng quân xâm lược không còn trên miền Bắc, cùng với việc hàn gắn vết thương chiến tranh, cầu Phủ Lạng Thương được xây dựng lại, nối liền mạch máu giao thông từ Mục Nam Quan đến thủ đô Hà Nội thân yêu.

Công việc thi công ngày một khẩn trương sôi nổi. Những phần quan trọng nhất được lần lượt hoàn thành. Trong không khí thi đua sôi nổi ấy, có tin Hồ Chủ tịch sắp về thăm. Để lấy thành

tích dâng lên Bác, ai nấy đều lao vào công việc, hăm hở như chuẩn bị một trận đánh lớn.

Mồng 1 Tết Ất Mùi (24 tháng Giêng 1955), tiết xuân ấm áp, người đón xuân tấp nập hai bên bờ sông, làm nhộn nhịp cả những dãy phố nhỏ, tranh tre nghèo nàn vẫn còn xơ xác. Xế trưa, một đoàn ô tô đỗ lại. Từ trên xe 5 - 6 người bước xuống.

- Đúng, Bác Hồ về ăn Tết với chúng ta! Các anh em công nhân làm cầu reo lên vui sướng.

Hồ Chủ tịch đang thận trọng bước trên con đường nhỏ gồ ghề, men theo con đường chạy sát mấy bức tường đổ. Đồng chí Trần Đăng Khoa, lúc bấy giờ là Tổng cục trưởng Tổng cục Giao thông Vận tải, nói với Bác:

- Bác đi cẩn thận, kéo ngã.

- Chú yên tâm, Bác đi được.

Các công nhân xây dựng cầu, cùng với các chuyên gia và các cán bộ lãnh đạo tít tít chạy lại vây quanh lấy Bác. Bác lần lượt bắt tay, hỏi thăm sức khỏe mọi người, rồi đi thăm cầu. Người hỏi đồng chí Nguyễn Tường Lân, đội trưởng đội cầu:

- Cầu làm được bao lâu rồi?

- Thưa Bác, mới bắt đầu được gần 2 tháng ạ!. Nói rồi đồng chí tranh thủ báo cáo những thành tích mà đội đã đạt được.

Bác khen: Như thế là tốt!.

Đến giữa cầu, Bác dừng lại:

- Hôm nay Bác chỉ xem nửa cầu thôi.

Các chú có đồng ý như thế không?

Nói rồi, Bác vui vẻ cùng mọi người quay lại, đứng trên đống tà vẹt gỗ nói chuyện với công nhân. Bác hỏi han thêm cả tình hình tổ



### *Bác Hồ thăm công trình xây dựng cầu Bắc Giang*

chức ăn Tết, việc tổ chức đời sống. Người còn khen ngợi sự tận tình giúp đỡ của công nhân và chuyên gia Trung Quốc, sự giúp đỡ của nhân dân thị xã Bắc Giang và khen ngợi những thành tích mà anh em công nhân đã đạt được. Hồ Chủ tịch phân tích khá kỹ tầm quan trọng của tuyến đường Hà Nội - Mục Nam Quan, con đường huyết mạch nối liền đất nước ta với các nước anh em, hứa sẽ tặng nhiều giải thưởng cho những người có thành tích xuất sắc nhất.

Anh em công nhân rất phấn khởi trước những lời dạy bảo ân cần của Hồ Chủ tịch. Họ hát vang bài “Kết đoàn” theo nhịp tay của Bác. Lời hát hùng tráng, vang mãi khi xe Bác đã lên đường về Hà Nội, như nói lên quyết tâm của toàn thể đội cầu đã hứa: Quyết hoàn thành nhiệm vụ trước thời hạn để được đón Bác về thăm lần nữa.

Với sự động viên kịp thời của Chủ tịch nước, cùng với sự nhiệt tình, hăng hái lao động của anh em công nhân cầu đường, cầu Phủ Lạng

Thương năm ấy đã hoàn thành và có nhiều đóng góp trong công cuộc xây dựng tổ quốc. Hôm nay, đến thăm cây cầu Phủ Lạng Thương năm xưa, chúng ta sẽ thấy sừng sững một cây cầu mới to đẹp song song bên cạnh và Phủ Lạng Thương năm xưa, nay đã trở thành, thành phố Bắc Giang. Đó là thành quả của quá trình không ngừng lao động, sáng tạo xây dựng quê hương đất nước mà nhân dân tỉnh Bắc Giang muốn báo công lên Bác. Nhân dân tỉnh Bắc Giang sẽ tiếp tục đi theo con đường mà Bác đã chọn, phấn đấu để xây dựng Bắc Giang ngày càng khang trang hơn, to đẹp hơn./.

# TRẠNG NGUYÊN GIÁP HẢI QUÊ HƯƠNG, NGUỒN CỘI

Thân Huy

**G**iap Hải, tự Tiềm Phu, hiệu Tiết Trai, sau đổi tên là Giáp Trưng, sinh vào năm Đinh Sửu, niên hiệu Quang Thiệu thứ 2 (1517) đời nhà Lê, mất năm Bính Tuất, niên hiệu Đoan Thái Nguyên Niên (1586) đời Mạc Mậu Hợp, người xã Dĩnh Kế, huyện Phượng Nhãn (nay thuộc thành phố Bắc Giang).

Năm Mậu Tuất, niên hiệu Đại Chính 9 (1538) triều Mạc mở khoa thi, Giáp Hải đậu Đệ nhất giáp Tiến sĩ cập đệ đệ nhất danh (trạng nguyên). Sau khi đậu ông từng giữ các chức Nhập thị Kinh diên, Thái bảo, làm Thượng thư của cả 6 Bộ kiêm Đông các, tước Sách quận công và từng nhiều lần được cử đi sứ sang Trung Quốc. Cuộc đời của Trạng nguyên Giáp Hải từng trải qua nhiều thăng trầm biến đổi của thời cuộc và ông đã được nhiều nhà nghiên cứu sau này đánh giá là một trong những tác giả chứng kiến sự suy đốn đến tột cùng của nhà Lê và sự nắm quyền chính sự của nhà Mạc.

Hầu hết các nguồn tài liệu và di sản văn hóa dân gian đều khẳng định tài năng và những cống hiến to lớn của Giáp Hải đối với triều đình nhà Mạc trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, ngoại giao, ông nhiều lần được cử đi tiếp sứ nhà Minh, giải quyết vấn đề biên giới với tài ngoại giao xuất chúng, được vua quan nhà Minh thán phục và kính nể. Giáp Hải có tài làm thơ ứng đáp các sứ thần và chính ông đã soạn sách “Ứng đáp bang giao” gồm 10 quyển, chép các thư từ, biểu văn bang giao của các triều và bài thơ Vịnh Bèo (họa lại bài thơ của Mao Bá Ôn) của Giáp Hải, theo giáo sư Trần Quốc Vượng là một trong những bài thơ “ngoại giao” hay nhất trong kho tàng thi ca Việt Nam.

Quan hệ của Giáp Hải với quê hương và tình cảm của nhân dân quê hương đối với ông rất sâu nặng. Mối quan hệ này được thể hiện qua các di sản văn hóa dân gian. Đó là các nguồn tài liệu và di tích phản ánh về mối quan hệ của ông với Bát Tràng (Gia Lâm, Hà Nội) nhưng phong phú và đa dạng nhất vẫn là quê hương Dĩnh Kế.

Sử xưa đã có nhiều tài liệu như: Lịch triều hiến chương loại chí, Công đá tiếp ký, Dã sử tạp biên, Đại nam kỳ truyện, Lịch đại danh thần sử trạng, Nam hải dị nhân, Nam thiên trân dị tập, Quang lâm danh ngôn tạp lục, Việt Nam danh nhân sự tích liệt truyện... đều cho rằng Giáp Hải quê ở Bát Tràng, quê ngoại ở làng Công Luận, làm con nuôi cho người họ Giáp ở Dĩnh Kế, nhờ mẫu thân không tham vàng rơi nên được một thầy địa lý phương Bắc đặt mộ tổ tiên vào nơi vượng phát để rồi ông học hành đỗ đạt cao.

Ngày 16 tháng 8 năm 1998, một phát hiện quan trọng có liên quan đến Giáp Hải đã được phát lộ, trong khi tiến hành làm đường giao thông nông thôn nhân dân Dĩnh Cốc đã phát hiện ra tấm bia đá hộp hay còn được gọi là sách đá: Tiên Khảo Thái Bảo Giáp phu quân mộ chí, khắc năm Cảnh Lịch thứ 3 (năm 1549), căn cứ vào nội dung văn tự Hán – Nôm khắc trên tấm bia này cho biết rõ về nguồn gốc quê hương dòng họ Giáp ở Dĩnh Kế. Từ đó mới có cơ sở đính chính lại những điều mà các tác giả và sử viết trước đây còn tồn nghi.

Theo nội dung tấm bia trên được biết cụ nội của Giáp Hải là Giáp Thuận Trung, gặp loạn nhà Minh, nhà ở phía Nam thành Xương Giang, vì không theo sự sai khiến của phu dịch của nhà Minh, lánh cư ở xã Như Thiết Thượng, huyện

Yên Dũng, rồi làm mục trưởng hương ấy, khi chết an táng tại đó. Ông nội của Giáp Hải là Giáp Bảo Phúc trở lại quê cũ lập nghiệp lấy bà họ Ngô năm Nhâm Dần niên hiệu Hồng Đức thứ 13 (1482) sinh ra Giáp Hà là phụ thân của Giáp Hải. Ngoài 3 người con trai (Giáp Hải, Giáp Trưng, Giáp Thanh), Giáp Hà còn sinh được một trưởng nữ gả cho Quốc tử giám xá sinh Trần Địch Triết. Như vậy, Giáp Hải không phải là con nuôi mà là con đẻ đích thực của dòng họ Giáp cha là cụ Giáp Hà, Huý Đức Hưng, hiệu Khánh Sơn sinh ở Dĩnh Kế.

Trạng nguyên Giáp Hải đã được dân gian mang danh quê hương là Trạng Kế. Nơi ông vẫn ngồi học thửa nhỏ cùng với hòn đá, giếng nước đều gắn với ông bằng những tên gọi thân thuộc. Hòn đá ông Trạng, núi ông Trạng, giếng ông Trạng... Và khi ông qua đời, nhân dân đã an táng, xây lăng quan Trạng, lập đền thờ quan Trạng. Nhân dân và Nho sĩ hai huyện Phượng Nhãn – Bảo Lộc của phủ Lạng Giang xưa lập văn chỉ, khắc bia các bậc tiên hiền, của quê hương trong đó có Trạng nguyên Giáp Hải và con ông là tiến sĩ Giáp Lễ. Đặc biệt nhân dân Dĩnh Kế đã lập đền thờ quan Trạng, tổ chức tế lễ rước sách uy nghiêm trong ngày hội làng và rằm tháng 3 Âm lịch hàng năm. Quan Trạng Giáp Hải được nhân dân xã thờ phụng cùng với vị thần Cao Sơn – Quý Minh, với ngày hội lệ tháng 3 và việc thờ phụng được ghi vào hương ước của xã, vào bia ký ở đền và văn chỉ, xác định Trạng nguyên Giáp Hải là người của quê hương Dĩnh Kế, người làm vẻ vang cho truyền thống khoa bảng của quê hương.

Những nguồn di sản trên đã chứng tỏ mối quan hệ, tình cảm gắn bó sâu sắc của Giáp Hải với quê hương Dĩnh Kế và sự nhớ ơn, ngưỡng vọng của nhân dân Dĩnh Kế với Giáp Hải. So với các địa phương Bát Tràng hay Công Luận thì Dĩnh Kế mới chính thực là quê hương của Trạng nguyên Giáp Hải, mà dân gian vẫn gọi thân thương là Trạng Kế - ông Trạng của quê hương Dĩnh Kế.

Qua thời gian với nhiều biến cố thăng trầm của lịch sử - xã hội và tự nhiên, các di sản văn hóa dân gian về Trạng nguyên Giáp Hải đã

### *Bia đá ghi công trạng của Trạng nguyên Giáp Hải*

bị mai một, hủy hoại. Nhiều truyền tích, chuyện kể, giai thoại, đại danh bị lãng quên, nhiều di tích, tài liệu, di vật bị hủy hoại, thất lạc. Vì vậy, những gì còn lại, thật sự đáng trân trọng, cần được bảo vệ, tôn tạo và phát huy.

Trạng nguyên Giáp Hải là danh nhân lịch sử, văn hóa tiêu biểu của dân tộc và quê hương Kinh Bắc. Vì vậy, cần tiếp tục sưu tầm nghiên cứu và giới thiệu về danh nhân Giáp Hải cho công chúng cả nước. Việc bảo tồn, dựng lại những công trình thờ phụng Trạng nguyên Giáp Hải trên quê hương ông là những việc làm có ý nghĩa thiết thực và lâu dài nhằm bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa và danh nhân trên quê hương Bắc Giang ngàn năm văn hiến./.



# VÙNG QUÊ CA TRÙ BÊN SÔNG CẦU

Trần Thái

Vùng quê Hiệp Hòa (Bắc Giang), nơi có con sông Cầu lơ thơ nước chảy, bao quanh hơn một nửa số làng xã của huyện, là vùng đất cổ. Các di chỉ khảo cổ học về thời kỳ kim khí ở Đông Lâm xã Hương Lâm, trống đồng ở Lý Viên xã Bắc Lý và Xuân Giang xã Mai Trung, các lăng đá, mộ đá còn có ở nhiều nơi như lăng họ Ngô, lăng Dinh Hương, lăng Bầu... Những truyền thuyết Thánh Gióng sau khi thắng giặc Ân trên đường đến núi Sóc đã đi qua vùng Bầu (xã Xuân Cẩm), Mã Cháy (xã Mai Trung); lễ hội Y Sơn (xã Hùng Sơn) tưởng nhớ tới Hùng Linh Công... Nói tới Hiệp Hòa không thể không nói đến đó là vùng quê của ca trù xứ Bắc, mà ở đó những dấu ấn còn lại hiện hữu “lừng lững” những di sản vật thể là những nhân chứng cho ca trù tồn tại và phát triển trên vùng đất Bắc Giang - một đại diện của ca trù xứ Bắc.

Cho đến nay, những cứ liệu về sự tồn tại của ca trù trên đất Bắc Giang được hiện diện tại một trong 6 ngôi đình cổ nhất Việt Nam là đình Lỗ Hạnh thuộc xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa. Đình Lỗ Hạnh được xây dựng vào năm Bính Tý, niên hiệu Sùng Khang (1576) thời Lê Mạc, thế kỷ 16. Ngôi đình được mệnh danh “đệ nhất Kinh Bắc”. Trên bức cốn của đình có bức chạm một cô gái ngồi trên mình con hươu, cô đang chơi đàn. Loại đàn đó được gọi là đàn đáy, loại đàn chỉ duy nhất dành cho nghệ thuật ca trù. Còn ở một bức chạm khác lại chạm cảnh hòa nhạc vui vẻ trong đó có cảnh người đàn ông đang chơi đàn đáy. Có thể nói, với những bức chạm khắc này đã khẳng định nghệ thuật ca trù đã có mặt ở vùng đất này. Ca trù hiện diện trong sinh hoạt

văn hóa làng xã. Theo sử sách, trong 6 ngôi đình cổ thì chỉ có đình Lỗ Hạnh (Hiệp Hòa, Bắc Giang) và đình Tây Đằng (Ba Vì, Hà Nội) là có bức chạm về người chơi đàn đáy. Cũng tại Hiệp Hòa, từ Đông Lỗ ngược phía Tây là các xã Bắc Lý, Hương Lâm, Xuân Cẩm, Mai Trung, Hợp Thịnh... đều là các xã ven sông Cầu. Trong không gian trên dưới 10 km, tại đình Trung Việt (Trung Trật), thuộc xã Hợp Thịnh có tấm bia đá *Bản huyện giáo phường lập bi*, viết về một giáo phường ca trù nơi đây. Theo sách *Góp phần tìm hiểu lịch sử ca trù* của Tiến sĩ Nguyễn Xuân Diện cho biết: “Thác bản bia mang số hiệu 9000 - 9001, thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm nêu cụ thể” năm dựng bia: Vĩnh Trị 5 (1681). Bia có chữ trên hai mặt, khổ 79x55 cm, 38 dòng, mỗi dòng 30 chữ. Nội dung văn bia ghi việc “một số vị trong giáo phường xã Đông Lâm, huyện Hiệp Hòa, phủ Bắc Hà, đạo Kinh Bắc, vì có ngoại tổ họ Hà là Phúc Đạo, ở xã Trung Trật trước có mở nghiệp giáo phường, sinh con gái là Hà Thị Khánh lấy chồng họ Nguyễn ở Đông Lâm và tạo nên giáo phường ở đây. Nay các vị trong giáo phường xã Đông Lâm nhớ đến ân nghĩa sinh thành của ngoại tổ, tỏ lòng báo đáp, đặt ra lệ, hễ đình Trung Trật có mở tiệc thì các khoản tiền tiệc, tiền khao và tiền lễ xông đình, các khoản tiền làm cỗ, thầy đều do giáo phường Đông Lâm trang trải...”. Có thể hiểu rằng, Hà Thị Khánh là người của giáo phường ca trù xã Trung Trật đã lập nên giáo phường ca trù của xã Đông Lâm. Như vậy trong hàng thế kỷ, ca trù đã khá đậm đặc ở Hiệp Hòa, các giáo phường, các ca nương, tay đàn được tổ chức ngày càng mở rộng. Sinh hoạt ca trù tại các hội lễ nơi làng quê ven sông

Câu ngày càng phát triển. Cần khẳng định thêm rằng ngôi đình cổ Lỗ Hạnh và tấm bia đá ở đình Trung Trật, thế kỷ 16 - 17 là 2 di sản vật thể, cực kỳ quý hiếm giúp cho việc tìm hiểu nghiên cứu về ca trù, không chỉ đối với tỉnh ta mà đối với cả nước.

Trong diễn biến lịch sử, sinh hoạt văn hóa ca trù có những giai đoạn không được duy trì, nhưng sức sống của ca trù luôn mãnh liệt. Những năm gần đây, nhất là từ khi ca trù được UNESCO ghi danh di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp, cùng với việc Nhà nước tiến hành tu bổ, tôn tạo ngôi đình Lỗ Hạnh nổi tiếng; thực hiện sự chỉ đạo của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Hiệp Hòa đã có nhiều biện pháp nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của di sản đáng quý này. Xã Đông Lỗ đã tiến hành triển khai thành lập 4 câu lạc bộ ca trù ở 4 thôn là Chằm; Khoát; Chúng và thôn Hưng Đạo, với tổng số 38 học viên trong đó có 25 nữ, 13 nam; đề nghị các cơ quan chuyên môn của huyện, tỉnh hỗ trợ các nhạc cụ và trang thiết bị hoạt động, đồng thời trực tiếp mời các nghệ nhân của câu lạc bộ ca trù Thanh Khương (Thuận Thành, Bắc Ninh) về truyền dạy. Nghệ nhân ca nương Nguyễn Thị Thiệp, là người làng Thanh Tương, đã 82 tuổi nhưng giọng ca vẫn vang, rền, nê nẩy. Với nghiệp ca trù, cụ đã học đàn hát từ nhỏ, thuộc hết các giọng lễ lối và 36 giọng ca trù. Tay đàn Nguyễn Trọng Lộ và tay trống Nguyễn Trọng Thịnh, người làng Thanh Hoài, bộ ba đam mê với tổ nghiệp lập thành bộ đi truyền dạy ca trù. Với hơn 1 tháng dạy lời, rèn giọng, nhiều ca nương “chân lấm tay bùn” vùng chiêm trũng Đông Lỗ như Ngô Thị Thanh 32 tuổi, Trần Thị Bốn 50 tuổi, Đặng Thị Đoàn 40 tuổi, Tạ Thị Thu 60 tuổi... đã có thể ca thành thực 5 - 6 bài thuộc 4 giọng ở các thể: Hát nói, hát ru, xẩm huê tình, đào hồng đào tuyết... tay đàn Trần Văn Bình, tay trống Trần Văn Quyết đã thả tay khá nhuần nhị,

### *Quan họ đình*

nhất là tay trống thường châu của Trần Văn Quyết. Sau đó, một số ca nương của CLB ở Đông Lỗ và Trung tâm Văn hóa thể thao huyện tiếp tục được đi tham gia các lớp tập huấn do Trung tâm Văn hóa tỉnh và Nhà hát Chèo Bắc Giang mời các nghệ nhân của CLB ca trù Lỗ Khê (Đông Anh, Hà Nội) về truyền dạy. Ông Đào Xuân Dương, Trưởng phòng Văn hóa Thông tin huyện Hiệp Hòa nói với chúng tôi: Xác định tầm quan trọng của việc bảo tồn và phát triển ca trù hiện nay, cấp ủy, chính quyền ở Đông Lỗ rất quan tâm chỉ đạo và tạo điều kiện cho các CLB ở cơ sở. Huyện và tỉnh cũng đã có những hỗ trợ cần thiết cho các CLB ca trù của Đông Lỗ... Ông nói thêm rằng, tại Hiệp Hòa có một số tác giả như: Đăng Bạ, Hoàng Hợp ở các CLB thơ của huyện đã sáng tác những tác phẩm hát nói, với nội dung mới, phù hợp với thể loại ca trù, đó là điều thuận lợi. Điều đáng mừng là, Hiệp Hòa có truyền thống ca trù, đó là niềm tự hào không dễ có. Trước tình hình di sản ca trù cần được bảo vệ khẩn cấp, Hiệp Hòa sẽ nỗ lực bảo tồn và phát huy di sản ca trù, để ca trù mãi là vẻ đẹp thánh thiện mà gần gũi, là nét sinh hoạt văn hóa tốt đẹp trong đời sống văn hóa hiện đại./.

# LỄ CẤP SẮC - NÉT ĐẸP VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI DAO THANH PHÁN

Tài Hưng

Nằm ngay dưới chân phía sườn Tây núi Yên Tử, người dân ở đây ít bị tác động bởi nhịp sống đô thị hiện đại. Đồng bào dân tộc Dao Thanh Phán, bản Đồng Thông, xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động từ lâu đã được biết đến với nhiều tập tục sinh hoạt văn hóa đặc sắc.

Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đồng bào dân tộc Dao ở bản Đồng Thông vẫn duy trì cuộc sống kiểu du canh du cư, phát nương làm rẫy... Nay theo tiếng gọi của Đảng, của Chính phủ, người Dao nơi đây đã định cư và cuộc sống dần ổn định, cùng với đó là bản sắc văn hóa dân tộc cũng được gìn giữ và truyền đời. Trong đó, điển hình là lễ cấp sắc. Theo tập tục này, ai đến tuổi trưởng thành cũng phải trải qua lễ cấp sắc, đây là sự kiện hết sức quan trọng chấm dứt thời thơ ấu của một chàng trai để đặt tên mới. Từ đây, anh ta bắt đầu thực hiện nghĩa vụ của một người đàn ông thực sự trong cộng đồng.

Theo tập tục của người Dao những năm trước đây, lễ cấp sắc thường được tổ chức kéo dài từ 4 đến 5 ngày dẫn đến chi phí tốn kém cho gia chủ. Ngày nay, thủ tục này đã được rút gọn xuống còn từ 2 đến 3 ngày. Nghi lễ cấp sắc của người Dao có nhiều bậc. Bậc đầu tiên, họ được cấp 3 đèn và 36 binh mã. Bậc 2 họ được cấp 7 đèn và 72 binh mã và bậc cuối cùng là 12 đèn và 120 binh mã. Ông thầy được chọn làm lễ phải cao tay, ngày tháng được chọn rất cẩn thận, người được cấp sắc cũng phải thuần thục các nghi lễ quy định trong các bản sắc. Việc cấp sắc trong gia đình được tuân thủ từ trên xuống dưới, từ cha đến con, từ anh, đến em. Mấy ngày hôm

nay, anh Triệu Hữu Cường, bản Đồng Thông đang tất bật chuẩn bị các công việc cho lễ cấp sắc của mình. Không những phải lo thực phẩm để cúng tế như: Gạo, lợn, gà; mà còn phải chọn ngày tốt để mời thầy cúng trước gần một năm trời. Con lợn muốn dùng để làm lễ cấp sắc thì ngay từ khi nuôi hoặc mua về phải làm lễ cúng, báo cho tổ tiên biết và phải nuôi trước cửa nhà để ma tổ tiên nhìn thấy. Đến ngày làm lễ, các thầy cúng sau khi thắp hương xin phép ma tổ tiên nhà mình thì tập trung đến nhà người được cấp sắc. Gia chủ cắt đặt người vo gạo, đồ xôi làm bánh, người bắt lợn chuẩn bị lễ cúng... Theo quy định, người được cấp sắc dứt khoát phải là người đã có vợ.

Thường một lễ cấp sắc 7 đèn thì 7 thầy, trong đó có một ông thầy cả và các phụ tá giúp việc trong quá trình thực hiện các tiết mục của lễ cấp sắc. Trong khi nhà bếp chuẩn bị đồ lễ, các thầy cúng phải tẩy uế, đánh trống mời tổ tiên về dự, sau đó thầy cúng làm lễ khai đàn, nhằm báo cho tổ tiên biết lý do của buổi lễ. Tiếp đó thầy cả thổi kèn *pi lè* để làm lễ “thả tranh” và báo lý do buổi lễ cho các thần biết. Các tranh cúng dùng trong lễ cấp sắc được cha ông lưu truyền lại khoảng trên 300 năm gồm 03 bộ tranh Tam thanh, Tam giáo thể hiện nhân sinh quan về đạo và đời của người Dao. Nó được treo trên vách tường gian chính giữa và gian trái cạnh bàn thờ. Trên bàn thờ được sắp đặt các bát hương thờ tổ tiên và bàn vương, dưới bàn thờ có 2 bó lúa khô với 1 bát nước lã. Theo thầy cả chủ trì buổi lễ thì lúa là để cầu tổ tiên, ông bà phù hộ cho con cháu một năm mới mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi, lúa ngô đầy bồ. Các đạo tràng tay cầm chuông và kiếm lệnh múa chạy đàn thỉnh mời

các thánh thần và binh tướng về dự lễ. Các thầy cúng thay trang phục hành lễ, chính thức tiến hành các nghi lễ cấp sắc. Người được cấp sắc mặc quần áo lễ do thầy cúng ban, bộ quần áo của thầy mo màu đen, trên các diềm áo, gấu áo được thêu chỉ màu sắc sỡ; đầu đội 1 chiếc mũ có hình Tam thanh kiểu “cánh chuồn”, tay cầm 1 cái chiêng ngồi ở giữa đàn lễ. Trong khi các thầy cúng múa hát kể lai lịch, họ tên, dòng họ... trình thánh thần đến chứng kiến lễ cấp sắc cho gia chủ. Sau đó thầy cả và thầy hai, cùng với trò (gia chủ được làm lễ cấp sắc) mặc thêm áo cà sa làm lễ tâu Ngọc Hoàng về chứng kiến cho buổi lễ trọng đại này. Tiếp đó, các thầy và trò múa các bài múa cổ truyền, kể về những chặng đường đi tìm thầy học đạo, làm lễ cấp sắc, đường lên trời...

Đến đây, người được cấp sắc nằm xuống, dùng vải đỏ che kín người trong khi các thầy nhảy múa xung quanh để làm lễ lên thiên đình trình diện Ngọc Hoàng. Sau lễ này các thầy cúng làm phép trên đầu và hai vai của người được cấp sắc tượng trưng cho việc ban phép. Trong thời gian làm lễ ban phép, các bà trong gia đình dùng một bát nước và cành cây để tẩy uế nơi làm lễ, xua đuổi ma dữ khỏi đàn cúng. Vợ của người được cấp sắc mặc trang phục truyền thống, ngồi trong buồng chịu lễ. Theo phong tục của người Dao Thanh Phán, khi cấp sắc là cấp cho cả chồng và vợ để khi về với tổ tiên vẫn được đoàn tụ cùng nhau. Kết thúc buổi lễ anh Cương sẽ được thầy cúng cấp cho một đạo sắc là các tờ giấy, bản trên đó viết chữ Hán gồm các nội dung như: Lai lịch của người được cấp sắc, lý do được cấp và 10 điều giáo huấn. Những điều giáo huấn này đều là răn dạy người được cấp sắc sống hướng thiện như: Không được vô lễ với bố mẹ, không được sát sinh, không được học điều xấu, không được dâm ô, không được trộm cắp... Đạo sắc được người thụ lễ giữ gìn rất cẩn thận, không ai được xem.

Sau khi lễ cấp sắc được tiến hành xong, là mục trả lễ bàn cỗ: Các thầy mời thần thánh, tổ tiên làm lễ trả ơn. Gia chủ phải thịt hai con lợn để trả lễ bàn vương và hương hỏa tổ tiên. Theo nghi lễ hai cháu trai và thầy cả mời thần bàn vương 3 lần để báo cáo việc cấp sắc đã hoàn

thành. Cỗ tiếp đón gồm có thịt sóc và 07 đôi đĩa, 07 chén và 01 bình rượu để ở giữa nhà. Tiếp đó 03 cháu trai, 03 cháu gái cùng bà hát duy trì các tiết mục của đồng bào dân tộc Dao ca ngợi về vua tổ Hùng Vương, về truyền thống của dân tộc và chúc gia đình gặp nhiều may mắn. Sau khi trả lễ xong các thầy làm lễ tiễn bàn vương đồng thời gia chủ phá con lợn để chế biến món ăn khao dân bản.

Hầu hết các lễ cấp sắc được đồng bào Dao Thanh Phán ở xã Tuấn Mậu được tổ chức vào dịp trước và sau Tết Nguyên đán - thời điểm nông nhàn. Theo lệ, khi dòng họ, gia đình tổ chức lễ cấp sắc cho một thành viên, trước đó mấy ngày đã cho người đi đến các gia đình trong bản thông báo. Đến ngày, mọi người sắp xếp thời gian đến mừng cho gia chủ, không câu nệ thời gian. Hiện nay lễ cấp sắc được tuân thủ theo nghi lễ truyền thống đồng thời loại bỏ một số các thủ tục rườm rà trước đây, tránh chi phí lớn về kinh tế, góp xây dựng đời sống văn hóa mới trên địa bàn dân cư.

Lễ cấp sắc là một hiện tượng văn hóa độc đáo trong đời sống của người Dao. Bên cạnh những giá trị về văn hóa tâm linh và ý nghĩa giáo dục trong một số nghi lễ là những giá trị về nghệ thuật biểu diễn dân gian, được thể hiện qua những hành động mang tính ước lệ, cách điệu và biểu tượng cao. Đây còn là dịp sinh hoạt văn hóa cộng đồng lớn với rất nhiều nét văn hóa: Ẩm thực, kể chuyện, hát dân ca... Trong điều kiện hiện nay, khi quá trình giao lưu văn hóa đã và đang diễn ra mạnh mẽ, bảo tồn lễ cấp sắc của người Dao là vô cùng cần thiết nhằm xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc./.



# CHUYỆN VUI

## VỀ CÂU ĐỐI TẾT

Câu đối là một thể loại văn học đặc biệt, được nhiều người ưa thích. Theo các tài liệu của Trung Quốc, câu đối được bắt nguồn từ tục làm “đào phù” để trừ ma quỷ. Hàng năm vào dịp Tết, người ta vẽ hai ông thần mặt mày dữ dội vào hai mảnh gỗ đào treo ở trước cửa để thần không cho ma quỷ vào nhà quấy phá. Tết năm 959, chúa Mạnh Xưởng nhà Hậu Thục thay “đào phù” bằng cách viết lên ván hai vế đối: Tân niên khai dư khánh - Giai tiết hạ trường xuân (mở tiệc lớn mừng năm mới - Gặp tiết đẹp đón mùa Xuân). Từ đó, nhân dân học theo làm câu đối Tết thay cho “đào phù”. Như vậy, câu đối được bắt nguồn từ câu đối Tết và người đầu tiên làm câu đối Tết là vị chúa nhà Hậu Thục, cách đây 1051 năm (959 - 2010).

Trước đây, không những nhân dân, các ông đồ Nho, các vị quan lại ham thích câu đối mà các bậc vua chúa ở Tàu, ở ta và một số nước châu Á như Nhật Bản, Triều Tiên, Hàn Quốc đều thích thú làm câu đối Tết.

Trung Quốc có chuyện: Vào dịp Tết, vua Càn Long thời nhà Thanh đi tuần thú Giang Nam. Vua cải trang vào một số gia đình xem tình hình dân chúng ăn Tết ra sao thì thấy nhà nào cũng có câu đối chúc Tết mừng xuân, mừng cảnh nhà vui vẻ. Đến khi vào nhà một ông gia lại thấy treo câu đối lạ:

“Có vạn lạng vàng nhưng vẫn chịu nghèo

Được năm con trai mà nhà tuyệt tự” -  
“Quả nhân”

Vua ngạc nhiên hỏi:

- Tại sao vàng có tới vạn lạng, con có tới 5 trai mà cụ còn bảo là nghèo và nhà tuyệt tự? Lạc khoản còn đề là “Quả nhân” vì chỉ có vua

mới tự nhận là “Quả nhân”.

Không biết người hỏi mình là vua nên ông cụ giải thích:

- Nước ta có câu thành ngữ “Mỗi cô gái giá đáng nghìn vàng”. Tôi sinh được 10 đứa con gái là có một vạn lạng vàng, nhưng ông thấy đó tôi vẫn nghèo khổ. Ta lại gọi con rể là “bán tử” (mỗi con rể bằng một nửa con trai), tôi có 10 con rể nên tôi coi có 5 con trai nhưng thực ra nhà tôi vẫn là nhà tuyệt tự! Còn lạc khoản đề là “Quả nhân” thì nhân là người, quả là cô quả cô độc. Nay con tôi thì đi lấy chồng, vợ thì không còn, tôi sống độc thân thì gọi là “Quả nhân”. Còn việc vua chúa thường nhận mình là “Quả nhân” là nhận tầm bậy.

Vua Càn Long cảm động và phục tài đánh tráo ý tứ sâu xa của câu đối nên trước khi đi đã tặng ông cụ một số tiền để dưỡng lão.

Ở nước ta có chuyện Lê Thánh Tông, ông vua nổi tiếng hay thơ của triều Lê, cũng có những câu đối Tết độc đáo. Tương truyền một năm vào ngày 30 Tết, nhà vua cải trang đi xem không khí đón Tết, mừng xuân của nhân dân kinh thành Thăng Long. Cảnh phố phường nhộn nhịp đi sắm Tết và trang hoàng nhà cửa lộng lẫy. Nhà nào cũng treo đèn kết hoa và treo câu đối Tết ở trước cửa. Nhưng có một gia đình ở cuối phố không trang trí gì cả. Vua bèn dừng lại hỏi gia chủ:

- Tại sao nay đã 30 Tết mà nhà ông lại không treo câu đối và không trang trí nhà cửa?

Gia chủ ngượng ngùng đáp:

- Tại vì nhà con làm nghề hèn mọn nên không dám phô bày với ai.

Vua hỏi:

- Nghề hèn mọn là nghề gì?



Gia chủ đành nói thật:

- Chẳng giấu gì bác, nhà con xưa nay chuyên làm nghề nhật phân.

Vua cười bảo:

- Nghề nhật phân cũng như trăm ngàn nghề khác, vừa có ích cho đời vừa làm sạch cho xã hội, sao lại bảo là nghề hèn mọn?. Để tôi viết tặng ông câu đối treo cho đẹp cảnh nhà, cảnh Tết, xem ai dám chê ông làm nghề hèn mọn.

Rồi vua viết:

“Ý nhất hung y, năng đảm thế gian nan sự;  
Để tam xích kiếm, tận thu thiên hạ nhân tâm”

(Khoác tấm hung y, lo việc khó khăn thiên hạ

Cầm ba thước kiếm, tận thu lòng dạ thế gian).

Ý tứ của câu đối ngông nghênh, tỏ ra mình là bậc anh hùng cái thế. Nào là khoác hung y, cầm ba thước kiếm, nào là thu phục nhân tâm lo việc thiên hạ. Vì vậy, khi câu đối được treo lên, quan sở tại sai lính bắt ông nhật phân để trị tội ngông cuồng phạm thượng. Được tin gia đình người nhật phân bị rắc rối nên nhà vua sai quan Hàn Lâm Viện ra can thiệp và giải thích cho mọi người về ý tứ của câu đối là nói về nghề nhật phân. Khoác tấm hung y là người nhật phân thường khoác áo tơi. Tay cầm cái cặp nhật phân cũng ví như người cầm thanh kiếm. Thu phục nhân tâm là thu phân trong bụng người thải ra. Lo việc khó khăn của thiên hạ là lo việc làm vệ sinh, vốn là việc nhiều người sợ bản không muốn làm. Mặt khác, nhà vua muốn đề cao việc nhật phân không kém gì những công việc khác. Lúc đó, mọi người mới vỡ lẽ nên ai cũng khen câu đối rất hay và mừng cho gia đình người nhật phân tốt phúc nên đã được nhà vua ban tặng câu đối tết.

Chuyện Bác Hồ ra vế xuất đối cũng là một câu chuyện thú vị. Vào ngày đầu Xuân năm 1948 thời kháng chiến chống thực dân Pháp, tại căn cứ địa Việt Bắc, sau phiên họp Chính phủ mọi người rất phấn khởi vì Hồ Chủ tịch vừa bổ

nhiệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp làm Bộ tổng chỉ huy Quân đội Quốc gia và dân quân Việt Nam. Trong không khí đầu xuân vui vẻ, Bác nói “Mình vừa chợt nghĩ được một vế câu đối, mời mọi người có mặt cùng đối lại cho vui”. Mọi người đều vui vẻ hưởng ứng. Thế rồi Bác chỉ về phía Đại tướng Võ Nguyên Giáp và đọc vế xuất đối chỉ vắn vện 4 chữ: “Giáp phải, giải pháp” với ý là ông Giáp phải có giải pháp để đánh thắng thực dân Pháp. Vế xuất đối còn dùng biện pháp tu từ nói lái: “Giải pháp” là “Giáp phải”. Nghe xong mọi người đều thích thú và cố gắng suy nghĩ để đối lại. Người đầu tiên xin đối lại là ông Tôn Quang Phiệt. Ông Phiệt nhìn về phía Bộ trưởng Bộ Tài chính là ông Lê Văn Hiến ngồi bên cạnh, rồi trịnh trọng đối lại: “Hiến tài, hái tiền”. Bác Hồ và mọi người hoan nghênh sự nhanh trí của ông Tôn Quang Phiệt. Rồi Bác bảo: “Câu đối hay không chỉ ở vần luật, nghệ thuật nói lái, nghệ thuật chơi chữ mà chủ yếu ở nội dung ý tứ. Câu đối đã nêu được hai nhiệm vụ chiến lược của giai đoạn này là phải có giải pháp đánh thắng giặc ngoại xâm và nhiệm vụ phát triển kinh tế tài chính. Cũng có nghĩa là đưa nhiệm vụ kiến quốc ra để đối với nhiệm vụ kháng chiến”. Bác đã thưởng cho ông Tôn Quang Phiệt một điều thuốc lá.

Ngày nay câu đối đã và đang bị mai một dần. Phải chăng nó đã hết vai trò như vai trò của Hán tự và dần theo chân các ông đồ nho đi vào dĩ vãng như nhà thơ Vũ Đình Liên đã viết:

Năm nay đào lại nở

Không thấy ông đồ xưa

Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ?”

Một câu hỏi, một tiếng gọi hồn không phải do chữ Hán hết vai trò hay do các ông đồ già đã trở thành người thiên cổ mà do nó không được kêu gọi, không được sự chăm sóc nuôi dưỡng của nhà trường, của báo chí như trước đây./.

**Nguyễn Xuân Tính**

# MẠI VÀNG YÊN TỬ CÂY CẢNH QUÝ ĐÓN XUÂN MỚI

Nguyễn Tuấn Dương

Cây mai vàng còn gọi là Huỳnh mai, có tên khoa học là *Ochna integerrima* (lour), thuộc họ lão mai (Ochnaceae) là một loài cây cảnh rất phổ biến phù hợp với điều kiện khí hậu từ miền Trung trở vào. Với đặc điểm cánh hoa màu vàng tươi, nhị màu nâu, nở hoa nhiều đúng vào dịp Tết Nguyên Đán cổ truyền nên đồng bào Nam Bộ rất ưa chuộng, chưng cây mai vào dịp Tết. Mai vàng được xem như là vật mang lại may mắn cho năm mới với sắc vàng của hoa là biểu tượng của rôm rả, tươi vui, tài lộc. Nếu trước đây mai vàng chủ yếu là phong trào chơi hoa của những người Nam Bộ thì ngày nay cả những người ngoài Bắc cũng bị vẻ đẹp của cây mai vàng mê hoặc. Chính vì vậy cây mai vàng đã được trồng rộng rãi trong vườn nhà, làm cây cảnh trồng chậu, bonsai và được dùng phổ biến trong dịp Tết.

Tại vùng rừng Yên Tử và một số vùng lân cận, trước đây hằng năm người dân địa phương và du khách được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của rừng “Đại lão mai vàng” vào mùa Xuân. Theo kết quả nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu phát triển hoa và cây cảnh thuộc Viện Nghiên cứu Rau quả Việt Nam, ước định tuổi của khu rừng mai này vào khoảng 800 năm và cũng là thời gian trùng với sự kiện vua Trần Nhân Tông nhường ngôi cho con về Yên Tử tu hành (năm 1285 - 1288). Nên có thể rừng mai vàng cổ này đã hình thành, trồng từ khi vua Trần Nhân Tông sáng lập thiền phái Trúc Lâm. Từ đó, mai vàng Yên Tử không chỉ đơn thuần mang vẻ đẹp của những bông mai vàng bình thường mà còn có ý nghĩa lịch sử và nhân văn. Cây mai vàng Yên Tử và cây mai vàng miền Nam thuộc

cùng một loài. Tuy nhiên, mai vàng Yên Tử lại sống trong điều kiện khí hậu có nhiệt độ thấp về mùa Đông nên đã tạo ra sự khác biệt về hình thái, đó chính là vẻ đẹp riêng của mai vàng Yên Tử. Không những thế, khi bông mai vàng Yên Tử mới nở còn tỏa ra một hương thơm thanh thoát, chay tịnh, làm cho lòng người như được về với cõi linh thiêng của đất Phật Yên Tử.

Trong những năm gần đây, nhiều cây mai cổ thụ đã bị người dân địa phương khai thác, đốt phá làm nương rẫy đã làm mất đi vẻ đẹp và có nguy cơ cạn kiệt của rừng “Đại lão mai vàng”. Năm 2007, Viện nghiên cứu Rau quả đã triển khai đề tài “Nghiên cứu bảo tồn lưu giữ và phát triển giống hoa mai vàng Yên Tử”. Qua đó đã đánh giá khẳng định đây là một nguồn gen rất quý, đồng thời nghiên cứu thành công phương pháp nhân giống, quy trình trồng và chăm sóc cây mai vàng Yên Tử.

Tiếp đó, năm 2011 tại tỉnh Bắc Giang, Hội Sinh vật cảnh tỉnh đã triển khai đề tài cấp cơ sở “Nghiên cứu thử nghiệm một số biện pháp kỹ thuật chăm sóc sinh trưởng, điều khiển ra hoa mai vàng Yên Tử” để nở hoa vào đúng trong dịp Tết Nguyên Đán. Đề tài thực hiện với quy mô 530 cây mai vàng Yên Tử do Trung tâm Nghiên cứu phát triển hoa và cây cảnh triết ghép, trong đó có 30 cây 18 tháng tuổi, 500 cây 6 tháng tuổi được triển khai tại thôn Đọ, xã Đa Mai, thành phố Bắc Giang. Kết quả bước đầu xác định được kỹ thuật trồng, chế độ bón phân, chăm sóc mai vàng Yên Tử cho sự sinh trưởng của cây phù hợp với điều kiện khí hậu tại thành phố Bắc Giang như trồng cây bón lót ban đầu sử dụng 10 kg phân chuồng + 0,1 kg đạm urê + 0,2 kg supe lân + 0,2 kg KCl kết hợp tưới phân, phun thuốc

### *Mai vàng Yên tử*

trừ bệnh. Bên cạnh đó còn một số biện pháp, kỹ thuật tưới lá, khoan cành, chế độ tưới nước, phơi nắng giữ ẩm, uốn tỉa, tạo dáng cho cây và kết hợp phun thử nghiệm các chất GA3, Atonik, Spay-N-Grow và xử lý nhiệt độ cao để ra hoa. Đến nay các cây mai đều sinh trưởng tốt và 30 cây được xử lý bắt đầu ra nụ. Ông Lê Hữu Khánh, Chủ tịch Hội Sinh vật cảnh tỉnh, chủ nhiệm đề tài nghiên cứu cho biết “Thời tiết năm nay gần Tết Nguyên Đán rét đậm kéo dài, do đó khoảng đến ngày 20 tháng chạp chúng tôi sẽ phải dùng thêm biện pháp quây nilon và thấp điện để kích thích hoa nở đúng dịp Tết. Đồng thời tiếp tục những năm sau cần theo dõi, tiếp tục điều chỉnh thử nghiệm bổ sung một số biện pháp kỹ thuật để giữ cho cây mai Yên Tử được khỏe mạnh và ra hoa đẹp”.

Ông Khánh cũng cho biết “Trồng cây mai vàng Yên Tử không chiếm nhiều diện tích, nhưng mang lại hiệu quả kinh tế khá cao. Hội Sinh vật cảnh sẽ tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn các hội viên để phát triển, nhân rộng trồng mai vàng Yên Tử trên địa bàn tỉnh”.

Cây mai vàng Yên Tử thực sự là cây cảnh quý, thật ý nghĩa và rất đẹp để chưng trong dịp Tết Nguyên Đán cần tiếp tục được bảo tồn và phát triển rộng để trở thành hàng hóa mang lại hiệu quả kinh tế./.

## MÙA XUÂN

# BÊN DÒNG LỄ HỘI

Văn Dương

Một mùa Xuân mới lại đến, đất trời giao thoa cây cối đâm chồi nảy lộc, con người trở nên thân thiện, dịu dàng, đẹp hơn trong ánh nắng mùa Xuân. Mùa Xuân còn là chủ đề quen thuộc cho các nhà thơ, nhà văn, nhạc sĩ khơi nguồn cảm hứng sáng tác. Mùa Xuân cũng là mùa mà mỗi người trong chúng ta hướng tới những mong muốn tốt đẹp nhất, cầu mong cho một năm mới nhiều lộc, nhiều tài, nhiều sức khỏe, gia đình an khang thịnh vượng... Như để tăng thêm niềm tin sâu sắc đó con người Việt Nam nói chung và người Bắc Giang nói riêng đi tìm về những bản sắc văn hóa qua những lễ hội truyền thống.

Bắc Giang là một miền đất giàu truyền thống lịch sử văn hóa, vùng đất được coi là Tứ trấn là Phên dậu của kinh thành Thăng Long xưa với những chiến công vang dội mãi đi vào lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc. Bắc Giang còn là nơi ghi dấu ấn đậm nét của vùng văn hóa Kinh Bắc với “những cô hàng xén răng đen cười như mùa Thu tỏa nắng” (trích trong bài thơ Bên kia Sông Đuống của Hoàng Cầm), những làn điệu quan họ thiết tha, đắm thắm làm say lòng biết bao du khách. Bức tranh thể hiện rõ nét nhất, những bản sắc văn hóa ấy được tái hiện qua những lễ hội mùa Xuân, tiêu biểu như hội Xương Giang, Thổ Hà, Vĩnh Nghiêm, Bồ Đà, Yên Thế, Y Sơn... Mỗi lễ hội mang một sắc thái văn hóa riêng nhưng đều hướng tới sự thiêng liêng cao quý nhằm ôn lại truyền thống tốt đẹp của cha ông ta với đạo lý uống nước nhớ nguồn, tinh thần đoàn kết. Lễ hội còn là nơi giao lưu gặp gỡ, chia sẻ của mỗi người sau một năm lao động vất vả. Những lễ hội cổ truyền đã phần nào

đáp ứng nhu cầu về tinh thần cho con người và phản ánh được tâm tư nguyện vọng, tình cảm của nhân dân. Lễ hội hoạt động thường niên có tính chất xuân thu nhị kỳ năm nào cũng diễn ra vào khoảng thời gian đó. Lễ hội chính là biểu tượng nghìn đời của cha ông ta đặc trưng nhất của lễ hội gồm có 2 phần, phần lễ và phần hội, tất cả được quy tụ dưới mái đình và mái chùa cổ kính.

Du khách đến với lễ hội Bắc Giang như được thả mình vào một không gian văn hóa qua bầu không khí trong lành của những làng quê cổ kính với những trò chơi dân gian như: Vật, đẩy gậy, chơi đu, cướp cầu, xếp chữ... Trong từng nhịp đập của hơi thở mùa Xuân du khách đi thăm quan qua các miền lễ hội khó có thể bỏ qua những lễ hội lớn và có giá trị truyền thống đã có từ lâu đời trên vùng đất Bắc Giang đậm đà bản sắc văn hóa vật thể và phi vật thể.

### 1. Lễ hội Xương Giang:

Thời gian, địa điểm: Lễ hội được tổ chức vào ngày mùng 6, 7 tháng giêng Âm lịch hàng năm tại khu vực tượng đài xã Xương Giang (ngã ba Quán Thành, thành phố Bắc Giang).

Ý nghĩa lịch sử: Lễ hội ôn lại truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của cha ông ta trong trận đánh Chi Lăng - Xương Giang vào năm 1427, đây là chiến thắng vẻ vang oai hùng nhất của quân dân ta, chúng ta đã đập tan gần 10 vạn quân xâm lược nhà Minh trong gần một tháng tại Chi Lăng - Xương Giang mở ra thời kỳ độc lập tự do của dân tộc ta ở thế kỷ XV.

Song hành cùng hội Xương Giang, hội làng Thành, xã Xương Giang và hội làng Vẽ, phường Thọ Xương cũng diễn ra ở đình, chùa hai

## *Lễ hội Xương Giang*

làng cũng được tổ chức tạo nên không gian rộng lớn cho lễ hội Xương Giang thu hút đông đảo nhân dân và khách thập phương về trải hội.

### 2. Lễ hội Từ Hả:

Thời gian, địa điểm: Lễ hội Từ Hả được tổ chức vào ngày mùng 7, 8 tháng giêng Âm lịch hàng năm tại đền Từ Hả, xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn.

Ý nghĩa lịch sử: Lễ hội diễn ra nhằm ôn lại truyền thống đoàn kết, tinh thần đấu tranh bất khuất chống kẻ thù xâm lược bờ cõi của nhân dân ta. Lễ hội là dịp nhân dân tôn thờ, tưởng nhớ tới vị anh hùng có tài chỉ huy, văn võ song toàn trong trận mạc, đó là tướng quân Vũ Thành người mà theo truyền thuyết là phò mã của vương triều nhà Lý, ông đã có công đánh đuổi giặc Tống vào thế kỷ XII, quân Tống khiếp sợ ông và phong ông là Thiên Thần Động Giáp.

### 3. Hội Tiên Lục:

Thời gian, địa điểm: Hàng năm, cứ đến mùng 9 tháng giêng Âm lịch và 20/5 Âm lịch,

20/8 Âm lịch và 20 tháng 11 Âm lịch hàng năm. Lễ hội Tiên Lục diễn ra ở 4 khu vực chính là đình Viễn Sơn, chùa Quang Phúc, đền Tiên Lục và nhà Thảo Xá tại cụm di tích Tiên Lục, xã Tiên Lục, huyện Lạng Giang.

Ý nghĩa lịch sử: Hội Tiên Lục là hội lớn trong vùng từ lâu, hàng năm vẫn luôn được UBND huyện Lạng Giang quan tâm và chỉ đạo tổ chức. Lễ hội diễn ra nhằm tưởng nhớ tới 2 vị thần Cao Sơn và Quý Minh người đã có công giúp Vua Hùng đánh giặc ngoại xâm. Lễ hội được tổ chức trang trọng với nhiều nghi lễ truyền thống, các trò chơi dân gian đặc sắc như: Vật, cướp cầu... Tất cả diễn ra dưới mái đình chùa cổ kính và Cây Dã hương ngàn năm tuổi.

### 4. Hội đình Vòng:

Thời gian, địa điểm: Lễ hội đình Vòng là một lễ hội có từ lâu đời, được tổ chức hàng năm vào ngày 15, 16 tháng giêng Âm lịch tại xã Song Vân, huyện Tân Yên:

Ý nghĩa lịch sử: Lễ hội đình Vòng là một



trong những lễ hội lớn của huyện Tân Yên. Lễ hội tưởng nhớ đến 2 vị thần Cao Sơn - Quý Minh và 18 vị quận công thời Mạc Dương Quốc Cơ. Đặc biệt lễ hội đình Vồng ngoài các nghi lễ quen thuộc còn có lễ tế ngựa, đây là một trong những lễ tế độc đáo đặc sắc giàu truyền thống của nhân dân xã Song Vân.

### 5. Lễ hội Y Sơn:

Thời gian, địa điểm: Hội đền Y Sơn hay còn gọi là IA được tổ chức vào ba ngày 15, 16, 17 tháng giêng Âm lịch hàng năm tại đền Y Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Hiệp Hòa.

Ý nghĩa lịch sử: Đền IA, tên thường gọi là Y Sơn nằm ở phía đông núi Y Sơn nên còn có tên chữ là Y Sơn Đông Từ, vốn là một công trình kiến trúc cổ, kiểu “nội công ngoại quốc” khá hoành tráng. Lễ hội diễn ra nhằm tưởng nhớ tới đức thánh Hùng Linh Công - người có công giúp vua Hùng dẹp giặc Ân, mang lại bình yên cho đất nước.

### 6. Hội đình Thổ Hà:

Thời gian, địa điểm: Lễ hội được tổ chức trong 2 ngày 21, 22 tháng giêng Âm lịch hàng năm tại đình, chùa Thổ Hà, Thôn Thổ Hà, xã Vân Hà, huyện Việt Yên.

Ý nghĩa lịch sử: Lễ hội Thổ Hà là một lễ hội dân gian truyền thống đã có từ lâu đời được tổ chức quy mô lớn với nhiều hoạt động đa dạng, phong phú và đặc sắc, đình còn là nơi thờ Lão Tử và vị tổ nghề gốm Đào Trí Tiến. Hơn nữa đình Thổ Hà là một công trình kiến trúc nghệ thuật độc đáo với nhiều mảng trạm khắc tinh tế của các nghệ nhân vào thế kỷ XVII,

### 7. Hội chùa La (chùa Vĩnh Nghiêm):

Thời gian, địa điểm: Lễ hội chùa La được tổ chức vào ngày 14 tháng 2 Âm lịch hàng năm, đây là ngày hội và cũng là ngày giỗ chung của 3 vị Trúc Lâm Tam Tổ (Trần Nhân Tông, Pháp Loa và Huyền Quang). Lễ hội diễn ra tại chùa Vĩnh Nghiêm thuộc thôn Quốc Khánh, xã Trí Yên, huyện Yên Dũng.

Ý nghĩa lịch sử: Chùa Đức La là một Trung tâm Phật giáo dưới thời Trần, là nơi chốn

tổ của thiền phái Trúc Lâm. Lễ hội chùa La nhằm tưởng nhớ tới 3 vị tổ sư là những người có công khai sáng ra dòng thiền phái Trúc Lâm.

Ngày nay mặc dù vị thế đỉnh cao của một Trung tâm Phật giáo đã qua nhưng thiên nhiên tươi đẹp, con người thân thiện cởi mở cùng với công trình kiến trúc độc đáo với quy mô lớn của ngôi chùa. Chùa Đức La vẫn luôn là điểm dừng chân lý tưởng cho các đoàn khách đến thăm quan nghiên cứu học tập, đặc biệt nhân dịp lễ hội giàu truyền thống lịch sử văn hóa này.

### 8. Hội chùa Bồ Đà:

Thời gian, địa điểm: Lễ hội được tổ chức vào ngày 17, 18 tháng hai Âm lịch, là ngày giỗ tổ khai sơn lập ra chùa Bồ, lễ hội diễn ra tại chùa Bồ Đà và xung quanh khu vực chùa tại xã Tiên Sơn, huyện Việt Yên.

Ý nghĩa lịch sử: Lễ hội chùa Bồ Đà là hội truyền thống có từ lâu đời của nhân dân xã Tiên Sơn nói riêng và nhân dân Việt Yên nói chung, lễ hội thu hút đông đảo du khách gần xa về chầu hội, Chùa Bồ Đà là nơi thờ 3 vị Trúc Lâm Tam Tổ vốn thuộc dòng Lâm Tế.

### 9. Hội Suối Mơ:

Thời gian, địa điểm: Lễ hội được nhân dân địa phương tổ chức vào hai ngày 30/3 và mùng 1/4 Âm lịch tại khu du lịch sinh thái Suối Mơ, xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam.

Ý nghĩa lịch sử: Lễ hội Suối Mơ là một lễ hội lớn của nhân dân huyện Lục Nam nói riêng và nhân dân Bắc Giang nói chung. Lễ hội nhằm tưởng nhớ đến công ơn của nàng công chúa Quế Mị Nương, theo truyền thuyết là người có công khai khẩn vùng đất này, dạy nhân dân làm nông nghiệp mang nguồn nước về cho nhân dân. Bà đã được nhân dân tôn thờ và được phong là Thượng Ngàn Thánh Mẫu.

### 10. Lễ hội Yên Thế:

Thời gian, địa điểm: Lễ hội được tổ chức vào ngày 16/3 Dương lịch hàng năm, tại Đồn Phồn Xương (là Đại bản doanh của nghĩa quân Yên Thế xưa), thị trấn Cầu Gồ, huyện Yên Thế.

Ý Nghĩa Lịch sử: Có thể nói lễ hội Yên

### *Lễ hội Yên Thế*

Thế là một trong những lễ hội truyền thống được tổ chức với quy mô lớn nhất của tỉnh Bắc Giang. Lễ hội Yên Thế bắt đầu được tổ chức từ năm 1984, nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày khởi nghĩa Yên Thế. Lễ hội Yên Thế nhằm ôn lại chiến thắng hào hùng của người anh hùng dân tộc áo vải Hoàng Hoa Thám đã lãnh đạo những người nông dân đứng lên chống lại sự xâm chiếm đàn áp của thực dân Pháp giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Lễ hội thu hút hàng vạn du khách trong và ngoài nước đến dự.

Nhìn chung Lễ hội ở Bắc Giang nói riêng hay lễ hội ở khắp các vùng miền trong cả nước nói chung đều phản ánh những giá trị truyền thống văn hóa, những phong tục tập quán tốt đẹp của cha ông ta qua hàng ngàn năm lịch sử. Dòng thời gian vẫn không ngừng chảy, lớp lớp các thế hệ nhân dân Bắc Giang vẫn luôn luôn gìn giữ bảo tồn, kế thừa phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp đó. Trong không khí náo nức tưng bừng

của một mùa Xuân mới, hy vọng du khách sẽ chọn cho mình thời gian thích hợp nhất để đi du Xuân đầu năm, hòa mình vào một trong những lễ hội có tính chất truyền thống. Đây chính là dịp để cho du khách gặp gỡ trao đổi, tìm hiểu văn hóa, phong tục tập quán và thăm quan các di tích ở mỗi địa phương, đồng thời gửi gắm những mong ước tốt đẹp nhất cho bản thân gia đình bạn bè và người thân một năm mới tràn đầy sức khỏe, tràn ngập niềm vui và thành công trong cuộc sống./.

# **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2011, PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM TRONG NĂM 2012**

**Lương Văn Thành**

**Trần Chí Thành**

Năm 2011 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2011 – 2015, đây cũng là năm diễn ra các hoạt động kỷ niệm 50 năm ngày thành lập ngành khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang (19/10/1961 – 19/10/2011). Trong năm qua, tập thể cán bộ, công chức, viên chức và lao động của Sở KH&CN đã có nhiều cố gắng, nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Một số kết quả công tác nổi bật như: Đã tham mưu cho HĐND, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản quản lý nhà nước về KH&CN; công tác quản lý các đề tài dự án KH&CN, quản lý công nghệ, sở hữu trí tuệ từng bước đi vào nề nếp; tổ chức bộ máy các phòng, đơn vị thuộc Sở được kiện toàn; quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ, quy định về công tác thi đua khen thưởng phát huy hiệu quả tốt; hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh duy trì hoạt động với 22 thành viên đã tư vấn, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục 10 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh thực hiện năm 2012... Kết quả đã đạt được năm 2011 và phương hướng, nhiệm vụ công tác trọng tâm trong năm 2012 của ngành KH&CN tỉnh Bắc Giang:

## **I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KH&CN NĂM 2011**

### **1. Về công tác tham mưu**

Để tăng cường công tác quản lý nhà nước

về KH&CN trên địa bàn tỉnh, năm 2011 Sở KH&CN đã tích cực phối hợp với các ngành xây dựng và hoàn thành một số đề án, văn bản quản lý về KH&CN, tham mưu với HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành, gồm:

- Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của UBND tỉnh ban hành đề án Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Giang đến năm 2020.

- Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 31/10/2011 của UBND tỉnh thành lập Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, thuộc Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng.

- Nghị quyết số 17/2011/NQ-HĐND ngày 19/7/2011 của Hội đồng Nhân dân tỉnh và Quyết định số 290/2011/QĐ-UBND ngày 10/8/2011 của UBND tỉnh quy định về chế độ khuyến khích các tổ chức áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, các doanh nghiệp đạt giải thưởng chất lượng, các doanh nghiệp có sản phẩm, hàng hóa được chứng nhận hợp chuẩn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

- Quyết định số 1105/QĐ-HĐ ngày 10/8/2011 của Chủ tịch Hội đồng KH&CN tỉnh về việc ban hành quy chế hoạt động của hội đồng KH&CN tỉnh.

- Kế hoạch số 2263/KH-UBND ngày 29/9/2011 của UBND tỉnh về việc xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9000:2000 vào hoạt động

## *Nghiệm thu đề tài KH&CN cấp tỉnh*

của các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 13/12/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục 10 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh năm 2012.

### **2. Công tác nghiên cứu - ứng dụng KH&CN**

Năm 2011, đã có 3 dự án KH&CN cấp nhà nước, 16 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh, 96 mô hình, đề tài, dự án KH&CN cấp cơ sở được Bộ trưởng Bộ KH&CN, Chủ tịch UBND tỉnh, Giám đốc Sở KH&CN phê duyệt để triển khai thực hiện. Thông qua việc triển khai thực hiện các đề tài, dự án KH&CN hoạt động nghiên cứu - ứng dụng đã đóng góp tích cực vào việc hoạch định các chính sách phát triển kinh tế xã hội, tăng trưởng GDP, phát triển sản xuất, nâng cao năng lực và trình độ sản xuất, đổi mới công nghệ, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

### **3. Công tác quản lý công nghệ và toàn bức xạ hạt nhân**

Đã tổ chức kiểm tra, đánh giá hiện trạng công nghệ tại 10 doanh nghiệp; điều tra hoạt động công nghệ tại 100 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thẩm tra công nghệ cho 04 dự án đầu tư (dự án gồm ốp lát clinker, dự án sản xuất kết cấu thép, dự án đầu tư nâng công suất khai thác mỏ than Đồng Rì, công nghệ thổi khí làm sạch bề mặt thép). Kết quả thẩm tra công nghệ các dự án đều đạt yêu cầu.

Tổ chức kiểm tra việc chấp hành quy định của Pháp luật về an toàn bức xạ hạt nhân tại 11 cơ sở sử dụng thiết bị X - quang trong y tế. Hướng dẫn việc khai báo và thủ tục đăng ký để cấp phép sử dụng thiết bị X - quang trong y tế cho 10 cơ sở, trong đó, cấp phép lần đầu 6 cơ sở, gia hạn giấy phép 4 cơ sở.

### **4. Hoạt động sở hữu trí tuệ, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật**

Trong xu thế phát triển và hội nhập, nhiều tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đã nhận thức được vai trò của sở hữu trí tuệ với cuộc sống nên số lượng các nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng

công nghiệp, giải pháp hữu ích của tỉnh đăng ký không ngừng tăng. Năm 2011 toàn tỉnh đã có 77 đơn gửi Cục Sở hữu trí tuệ đề nghị được bảo hộ, trong đó đã có 25 hàng hóa được bảo hộ về nhãn hiệu; 01 hàng hóa được bảo hộ về kiểu dáng công nghiệp; 04 nhãn hiệu được công nhận là nhãn hiệu hàng hóa tập thể (gạo thơm Yên Dũng, mỳ Chũ, nhung hươu Hoàn Thành, bánh đa Kéo); 01 nhãn hiệu được công nhận là nhãn hiệu chứng nhận (gà đồi Yên Thế). Để giúp người dân tăng cường kiến thức về sở hữu trí tuệ, Sở KH&CN đã biên tập, xây dựng cuốn cẩm nang 30 tình huống giải quyết vi phạm về sở hữu trí tuệ.

Công tác phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật luôn được quan tâm, Sở KH&CN đã có văn bản đề nghị các ngành, đơn vị báo cáo và đăng ký hoạt động sáng kiến cấp tỉnh năm 2011. Hội đồng sáng kiến của Sở đã họp và có 10 sáng kiến được công nhận là sáng kiến cấp cơ sở.

### 5. Công tác Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Hướng dẫn và hỗ trợ 5 doanh nghiệp áp dụng, đánh giá lại hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến ISO 9000. Như vậy đến thời điểm hiện nay toàn tỉnh có 40 doanh nghiệp và 37 cơ quan quản lý nhà nước áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến. Hướng dẫn 7 doanh nghiệp với 9 sản phẩm hàng hóa hợp chuẩn, 1 sản phẩm hàng hóa hợp quy. Xuất bản định kỳ mỗi tháng 2 bản tin TBT (hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại); tổng số đã có 1.100 bản tin được cung cấp tới các doanh nghiệp và mạng lưới TBT của tỉnh.

Chi cục TC - ĐL - CL cùng với 5 đơn vị mạng lưới cấp huyện đã kiểm định được 12.074 phương tiện đo các loại, trong đó có 10.239 công tơ điện 1 pha, còn lại là công tơ điện 3 pha, cột đo xăng dầu, taximet, huyết áp kế. Kiểm nghiệm được 493 mẫu hàng hóa các loại phục vụ công tác quản lý và thanh tra, kiểm tra trên thị trường, trong đó chủ yếu là các mẫu than, mỳ chính, mứt tết; đã phát hiện 24 mẫu giả về chất lượng và nhãn mác.

### 6. Về công tác thông tin

Đã biên tập và phát hành 6 số tạp chí KH&CN với số lượng 4.300 cuốn, sản phẩm được phát hành tới các Sở KH&CN trong cả nước và các điểm bưu điện văn hóa xã trong

tỉnh; xuất bản 12 chuyên san KH&CN phục vụ nông thôn miền núi với số lượng 8.400 cuốn được đồng đảo nông dân đón nhận để áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; xuất bản 5.200 bản tin chọn lọc phục vụ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý trong tỉnh; xuất bản 9.000 cuốn lịch KH&CN phục vụ chỉ đạo sản xuất và đời sống; biên tập và xuất bản 350 cuốn kỷ yếu kết quả các đề tài, dự án KH&CN. Phối hợp với Báo Bắc Giang và Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh xây dựng 12 chuyên trang và 12 chuyên mục thông tin, tuyên truyền về các tiến bộ KH&CN áp dụng trên địa bàn tỉnh. Xây dựng phim tư liệu “KH&CN tỉnh Bắc Giang 50 năm xây dựng và phát triển”. Công tác phối hợp tham gia Chợ công nghệ và thiết bị tại tỉnh Quảng Nam đạt kết quả tốt, được Bộ KH&CN tặng bằng khen.

### 7. Công tác thanh tra

Thanh tra Sở đã tổ chức 1 cuộc thanh tra về an toàn bức xạ hạt nhân tại 11 cơ sở; 2 cuộc thanh tra về TC - ĐL - CL trong kinh doanh xăng dầu tại 50 cơ sở; thanh tra 2 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh; thanh tra hành chính và phòng chống tham nhũng 1 đơn vị của Sở. Trong quá trình thanh tra phát hiện 2 cơ sở vi phạm. Đã xử phạt hành chính là 10,5 triệu đồng.

Công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư được duy trì thường xuyên hàng tháng, Thanh tra Sở KH&CN đã giải quyết dứt điểm 01 đơn thư khiếu nại, tố cáo về vi phạm kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu hàng hóa.

### 8. Kết quả hoạt động sự nghiệp KH&CN

Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KH&CN đã tổ chức triển khai thực hiện 12 mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống, trong đó nhiều mô hình đã phát huy hiệu quả tốt và có khả năng nhân rộng như: Mô hình thử nghiệm chế phẩm sinh học men vi sinh hoạt tính ủ thức ăn cho gà, lợn trong chăn nuôi tại hộ gia đình; nuôi thử nghiệm giống thỏ Newzeland theo phương pháp thâm canh tại hộ gia đình; trồng thử nghiệm một số loại rau mới của Hàn Quốc và Đài Loan theo hướng VietGAP; ứng dụng kỹ thuật mới trong sử dụng bể Biogas composite, xây bể nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời.

Phối hợp với các huyện, thành phố triển khai 50 lớp tập huấn về ứng dụng và chuyển



### *Hội nghị triển khai kế hoạch chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào xã điểm nông thôn mới*

giao tiến bộ kỹ thuật cho hơn 3.000 lượt người tham gia. Phối hợp với Hội Nông dân thành phố, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tổ chức các cuộc hội thảo và xây dựng các chuyên đề tuyên truyền về kết quả nghiên cứu - ứng dụng tiến bộ KH&CN.

#### **9. Kết quả hoạt động KH&CN cấp huyện, ngành**

Bằng nguồn vốn sự nghiệp khoa học được cấp, các cơ quan quản lý KH&CN ở các huyện, thành phố đã tổ chức được trên 100 lớp tập huấn tiến bộ kỹ thuật, như: Kỹ thuật trồng và chăm sóc giống lúa chất lượng cao, trồng cây màu chịu hạn; rau chế biến, sản xuất nấm ăn; nuôi trồng các cây, con đặc sản... cho trên 7 ngàn lượt người tham gia. Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng và đài truyền thanh địa phương đưa 360 tin, bài về hoạt động khoa học và công nghệ. Phối hợp với các bộ phận nghiệp vụ của Sở tiến hành hàng chục cuộc thanh tra, kiểm tra về TC - ĐL - CL và sở hữu trí tuệ. Trong tổng số các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được duyệt, sau thời gian thực hiện đã có nhiều mô hình, đề tài,

dự án khả năng ứng dụng, nhân rộng như: Cải tiến buồng đốt hơi từ đun than sang đun phế liệu nông, lâm, sản; nghiên cứu, chế tạo máy tuốt lạc quy mô hộ gia đình; nghiên cứu khả năng sinh sản nhân tạo của cá trắm đen tại Bắc Giang; nuôi thỏ Newzeland; nhân giống chim bồ câu lai Pháp; nuôi nhím sinh sản...

16 ngành của tỉnh đã thành lập Hội đồng KH&CN và triển khai thực hiện 60 đề tài, dự án KH&CN cấp cơ sở. Trong đó ngành công - thương, ngành nông nghiệp có nhiều kết quả nghiên cứu - ứng dụng tốt; ngành y tế, ngành giáo dục đào tạo là những đơn vị nổi bật trong phong trào nghiên cứu khoa học.

#### **10. Một số khó khăn, tồn tại**

- Sự phối kết hợp giữa các ngành trong hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ chưa thật sự chặt chẽ, nhất là việc triển khai các chương trình khoa học và công nghệ có quy mô lớn.

- Công tác xã hội hóa trong hoạt động khoa học và công nghệ làm chưa được nhiều nên chưa khơi dậy có hiệu quả tiềm lực khoa học và

công nghệ trong xã hội, chưa tạo ra được các phong trào sâu rộng phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Số lượng sáng kiến cấp tỉnh đăng ký hạn chế.

- Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý, hoạt động khoa học và công nghệ ở các huyện thiếu cán bộ chuyên trách. Số cán bộ có trình độ chuyên sâu về nghiên cứu, chuyển giao khoa học và công nghệ, nhất là ở tuyến cơ sở còn yếu.

- Đầu tư xã hội nói chung cũng như đầu tư về ngân sách cho sự nghiệp khoa học và công nghệ có tăng song chưa đáp ứng được yêu cầu. Cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị của Sở còn hạn chế.

### II. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ CÔNG TÁC KH&CN TRỌNG TÂM NĂM 2012

Phát huy những kết quả đã đạt được và khắc phục khó khăn, tồn tại trong năm qua, năm 2012 Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Giang đề ra phương hướng và tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Tập trung ổn định tổ chức bộ máy hoạt động của Sở KH&CN; xây dựng, củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống bộ máy làm công tác khoa học - công nghệ từ tỉnh đến các huyện, thành phố nhằm đáp ứng được yêu cầu phát triển.

- Tiếp tục quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII; Nghị quyết Trung ương 7 (khoá X) về nông nghiệp - nông dân và nông thôn; Chương trình hành động thực hiện Thông báo Kết luận số 234-TB/TU ngày 01/4/2009 của Bộ Chính trị về KH&CN.

- Quan tâm ứng dụng khoa học - công nghệ thuộc các chương trình trọng điểm của tỉnh trong Chiến lược phát triển KH&CN của tỉnh đến năm 2020. Chú trọng chuyển giao khoa học công nghệ tới các doanh nghiệp, các xã khó khăn trong tỉnh. Nâng cao hiệu quả các chương trình phối hợp với các ban, ngành của tỉnh; với các trường đại học, các viện nghiên cứu ở Trung ương. Tổ chức quản lý để triển khai thực hiện tốt các dự án cấp nhà nước; 10 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh; 70 mô hình, đề tài, dự án

KH&CN cấp cơ sở đã được phê duyệt danh mục.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức KH&CN phổ biến các quy định của pháp luật về KH&CN; khuyến khích và tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động về sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong các hoạt động KH&CN.

- Tăng cường ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ, nghiên cứu, vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các vấn đề về khoa học xã hội và nhân văn, an ninh quốc phòng ở địa phương nhằm phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ tổ quốc.

- Tiếp tục triển khai ứng dụng các thành tựu về công nghệ sinh học, công nghệ thông tin; tạo sản phẩm KH&CN của tỉnh; xây dựng và quảng bá cho các thương hiệu hàng hóa cho các sản phẩm đặc sản của tỉnh. Tăng cường công tác quản lý tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, bảo vệ người tiêu dùng. Tập trung xây dựng và hoàn thành trụ sở, cơ sở vật chất kỹ thuật của 2 Trung tâm thuộc Sở.

- Tiếp tục xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật nhằm tăng cường đổi mới cơ chế chính sách về KH&CN, gồm: Tham mưu cho HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành Nghị quyết, Quyết định quy định về chế độ hỗ trợ đầu tư đổi mới công nghệ, xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm, hàng hóa của các hợp tác xã, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tham mưu cho HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành Nghị quyết, Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 89/2007/QĐ-UBND ngày 15/11/2007 quy định mức chi phí đối với các đề án, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước. Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, Quyết định số 67/2005/QĐ-UB ngày 8/9/2005 của UBND tỉnh về quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng trên địa bàn tỉnh./.

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CHO HOẠT ĐỘNG KH&CN BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2011- 2015

Nguyễn Thị Phương Lan

**T**hực hiện mục tiêu đổi mới hoạt động khoa học và công nghệ năm 2011 là năm đầu của giai đoạn 2011 - 2015. Xác định được kinh phí hoạt động là một yếu tố rất quan trọng cho hoạt động khoa học và công nghệ, trên cơ sở thực tế các kết quả hoạt động của ngành trong giai đoạn 2005 - 2010, định hướng hoạt động của giai đoạn 2011- 2015. Năm 2011 Sở Khoa học và Công nghệ Bắc Giang đã chủ động xây dựng kế hoạch kinh phí đầu tư cho hoạt động của ngành với mức tăng trên 90% so với năm 2010. Kinh phí cho đầu tư phát triển của ngành tăng trên 60% so với những năm trước.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ; Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, công chức, viên chức của ngành năm 2011 hoạt động khoa học và công nghệ đã được đầu tư tăng 76% so với năm 2010 (từ 10.505 triệu đồng năm 2010 lên 18.500 triệu đồng năm 2011); kinh phí đầu tư phát triển cũng được bố trí tăng thêm cho các dự án của ngành đã được phê duyệt (từ 2.000 triệu đồng năm 2010 lên 12.000 triệu đồng năm 2011).

Với mức đầu tư kinh phí cho hoạt động khoa học và công nghệ; cho đầu tư phát triển thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ năm 2011, đây là một sự khởi đầu tốt đẹp cho giai đoạn 2011 - 2015.

Đánh giá bước đầu công tác đầu tư phát triển cho khoa học và công nghệ đã được tỉnh quan tâm, tạo điều kiện. Là tiền đề để các đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh phát triển và chuyển đổi cơ chế quản lý theo tinh thần của Nghị định 115/NĐ-CP.

Để hoạt động khoa học và công nghệ trong giai đoạn 2011 - 2015 thực sự có hiệu quả, cần phải thực hiện tốt một số giải pháp trước mắt

nhằm tăng cường đầu tư tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ.

*1. Xây dựng cơ chế chi tiêu tài chính đối với kinh phí sự nghiệp KH&CN ở cấp tỉnh, cấp huyện.*

Cần có hướng dẫn liên bộ Khoa học và Công nghệ và Tài chính về sử dụng kinh phí sự nghiệp KH&CN ở địa phương. Đến nay chỉ có các Thông tư hướng dẫn về chế độ chi tiêu đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ, chưa có một Thông tư nào hướng dẫn về chi tiêu cho kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ ở địa phương (kinh phí được chi cho các nội dung công việc nào? mức độ ưu tiên ra sao? thẩm quyền quyết định thế nào? chế độ lập dự toán, quyết toán?...). Do vậy, việc bố trí kinh phí cho các hoạt động sự nghiệp khoa học và công nghệ ở các tỉnh khác nhau là rất khác nhau; kinh phí cho xây dựng cơ bản, cho tăng cường trang thiết bị kỹ thuật gặp nhiều khó khăn.

Việc ban hành khung pháp lý cho chi tiêu tài chính đối với kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ ở địa phương sẽ giúp các địa phương sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN đúng mục đích cho phát triển KH&CN, có hiệu quả cao, đúng với tinh thần ưu tiên cho Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo – hai lĩnh vực được coi là quốc sách hàng đầu của Việt Nam, song vẫn bảo đảm tính chủ động quyết định chi theo phân cấp và bảo đảm thuận lợi cho việc điều hành ngân sách của địa phương.

Trong hướng dẫn chi tiêu tài chính cho kinh phí sự nghiệp KH&CN ở địa phương chú trọng các khoản kinh phí hỗ trợ về xây dựng tiềm lực cho các cơ quan sự nghiệp và dịch vụ KH&CN ở địa phương (cả tỉnh và huyện), tăng cường khoán chi khi thực hiện các nhiệm vụ KH&CN để tạo điều kiện cho các đơn vị sự

## *Hội thảo: “Ứng dụng tiến bộ KH&CN nhằm xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã Tân Thịnh - Lạng Giang - Bắc Giang*

nghiệp và dịch vụ KH&CN có cơ sở để xây dựng quỹ lương, quỹ thi đua khen thưởng, quỹ phát triển KH&CN và các loại quỹ công ích, quỹ phát triển khác theo quy định của pháp luật.

### *2. Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật*

Hiện nay hầu hết các đơn vị quản lý nhà nước và các đơn vị sự nghiệp và dịch vụ KH&CN hiện nay của tỉnh còn rất yếu kém về cơ sở vật chất kỹ thuật. Do vậy cần có cơ chế hỗ trợ các đơn vị này đủ điều kiện vật chất kỹ thuật phục vụ cho yêu cầu của công tác quản lý nhà nước và các hoạt động sự nghiệp và dịch vụ khoa học và công nghệ.

Việc xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị phải thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch theo từng giai đoạn cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương nhưng phải đảm bảo đầu tư đồng bộ, chuẩn hóa theo các tiêu chuẩn quy định của Nhà nước. Các phòng thí nghiệm cần được xây dựng và trang bị đồng bộ máy móc thiết bị và nguồn nhân lực đạt tiêu chuẩn phòng thí nghiệm được công nhận (VILAS).

### *3. Giải pháp tăng cường đầu tư kinh phí cho hoạt động nghiên cứu*

Đổi mới công tác xét duyệt, tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN. Quy định rõ trách nhiệm về mặt kinh tế trong việc hoạch định, thẩm định dự án và ra quyết định đầu tư ở các cấp, các ngành để thưởng phạt nghiêm minh. Có những quy định chặt chẽ hơn nữa trong đòi hỏi về chất lượng các sản phẩm KH&CN do tỉnh cấp kinh phí. Có những quy định cụ thể về thưởng tài chính để khuyến khích những công trình KH&CN có chất lượng cao.

Hoàn thiện cơ chế sử dụng nguồn tài chính tạo động lực cho hoạt động KH&CN. Mạnh dạn áp dụng cơ chế khoán đối với đề tài, dự án KH&CN trong một số lĩnh vực KH&CN trên cơ sở thẩm định kỹ về nội dung, sản phẩm nghiên cứu và dự toán kinh phí thực hiện.

Việc thanh, quyết toán kinh phí đề tài, dự án KH&CN phải căn cứ vào kết quả đánh giá chất lượng sản phẩm nghiên cứu là chủ yếu; cải tiến các thủ tục thanh, quyết toán không còn phù

hợp trong thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Tăng đầu tư cho hoạt động KH&CN để có điều kiện thu hút cán bộ KH&CN, đồng thời hình thành một cơ chế khuyến khích phù hợp nhằm đa dạng hóa các nguồn vốn cho KH&CN là vấn đề hết sức cần thiết và quan trọng.

Không thể nói đến phát triển KH&CN nếu không đầu tư hoặc đầu tư không đúng mức. Sự đầu tư nhỏ giọt và phân tán sẽ không mang lại kết quả mong muốn. Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII) của Đảng yêu cầu đầu tư cho khoa học ở mức 2% tổng ngân sách nhà nước, song trong thực tế con số chỉ ở mức khoảng 1%. Nên chăng chi ngân sách của tỉnh cho KH&CN lên 2% tổng chi ngân sách hàng năm của tỉnh, đảm bảo mức tăng đầu tư của tỉnh cho KH&CN cao hơn mức tăng trưởng kinh tế khoảng 1,2 lần.

Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm nâng cao năng lực cạnh tranh. Khuyến khích doanh nghiệp thành lập Quỹ phát triển KH&CN để thực hiện nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu phục vụ đổi mới công nghệ và sản phẩm.

Tăng cường khai thác các nguồn vốn từ hợp tác Quốc tế cho phát triển KH&CN bằng nhiều hình thức khác nhau; hợp tác, nghiên cứu, đào tạo song phương, đa phương; khuyến khích tổ chức, cá nhân, nước ngoài đầu tư công nghệ tại tỉnh.

Lập các Quỹ hỗ trợ của tỉnh phục vụ cho phát triển KH&CN như: Quỹ đầu tư mạo hiểm cho nghiên cứu khoa học và sản xuất thử nghiệm các sản phẩm mới; Quỹ sáng tạo kỹ thuật; Quỹ hỗ trợ sản phẩm mới.

Mạnh dạn vay vốn để nhập công nghệ phù hợp, cần thiết để nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm có triển vọng ở thị trường quốc tế. Tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án KH&CN được tiếp cận dễ dàng với tín dụng ngân hàng. Có những ưu đãi về lãi suất cho các dự án triển khai KH&CN ở các loại hình doanh nghiệp. Trong các doanh nghiệp đảm bảo tốc độ đầu tư đổi mới công nghệ không thấp hơn tốc độ đầu tư cơ bản.

Xây dựng chương trình liên kết giữa KH&CN với đào tạo và sản xuất, kinh doanh để hỗ trợ doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh

tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

Thực hiện lấy ý kiến phản biện của các nhà khoa học đối với chủ trương, chính sách, các dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng cơ chế lồng ghép các nhiệm vụ KH&CN với các dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Kinh phí cho hoạt động này được quy định lấy theo một tỷ lệ nhất định đầu tư của dự án.

Cải cách mạnh mẽ doanh nghiệp nhà nước theo hướng đẩy mạnh quá trình cổ phần hóa. Tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp quan tâm thực sự đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Đẩy nhanh quá trình hội nhập quốc tế tạo sức thúc đẩy các doanh nghiệp áp dụng các thành tựu KH&CN, đổi mới sản phẩm.

Thế chế hóa việc các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN góp vốn cho doanh nghiệp bằng bản quyền đối với kết quả nghiên cứu hoặc các hình thức sở hữu trí tuệ khác.

Áp dụng chế độ tăng lương, nâng ngạch trước thời hạn cho những cán bộ KH&CN có đóng góp nổi bật trong nghiên cứu khoa học và cải tiến kỹ thuật của tỉnh.

Có cơ chế sử dụng những người có học vị Tiến sỹ hoặc có công trình nghiên cứu KH&CN xuất sắc.

Trong những năm qua, cùng với các hoạt động kinh tế xã hội khác, hoạt động khoa học và công nghệ Bắc Giang đã có những đóng góp đáng kể thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Trong những năm tới, phát huy kết quả đã đạt được, thực hiện Luật khoa học và công nghệ, cùng với việc triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh Bắc Giang đến năm 2020. Kết hợp thực hiện các giải pháp trên với việc huy động mọi tiềm năng lao động sáng tạo của các tổ chức cá nhân trong hoạt động khoa học và phát triển công nghệ, chắc chắn hoạt động khoa học và công nghệ Bắc Giang sẽ đạt được những thành tựu to lớn hơn nữa, thực sự trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhằm đưa Bắc Giang trở thành một tỉnh miền núi giàu mạnh./.



## AI ĐÚNG, AI SAI ?

Nguyễn Văn Xuất

Công ty Tân Trường Sơn được Cục Sở hữu trí tuệ (SHTT) cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp (KDCN) số 8106 từ ngày 15/12/2004 cho thanh nhôm định hình. Tháng 5/2007, Tân Trường Sơn ký “hợp đồng chuyển quyền sử dụng KDCN thanh nhôm định hình số 8106” cho Công ty Hưng Phát. Thời hạn hợp đồng đến ngày 7/8/2008.

Ngày 10/11/2008, Công ty Úc ký “hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng KDCN số 8106” với Tân Trường Sơn. Hai bên đã tiến hành đăng ký hợp đồng với Cục SHTT để xác lập quyền sử dụng hợp pháp đối với KDCN này và đã được cấp giấy chứng nhận. Thời hạn sử dụng của Công ty Úc đối với KDCN này từ ngày 18/12/2008 đến hết ngày 18/12/2009.

Sau khi được quyền sử dụng kiểu dáng thanh nhôm định hình nêu trên, Công ty Úc đã phát hiện Hưng Phát vẫn sản xuất sản phẩm cửa cuốn nhãn hiệu Austdoor có sử dụng KDCN số 8106.

Ngày 25/11/2008, Đội Quản lý thị trường (QLTT) số 14, Chi cục QLTT Hà Nội tạm giữ một xe hàng của Hưng Phát để xác minh việc vi phạm. Ngày 24/6/2009, Đội QLTT số 17 tiếp tục giữ một xe hàng của Hưng Phát. Cục SHTT xác nhận, mẫu nan nhôm có trong các xe hàng tạm giữ của Hưng Phát xâm phạm KDCN số 8106.

Trợ lý Giám đốc của Hưng Phát cho biết, lượng hàng mà công ty này sản xuất có sử dụng KDCN số 8106 không tiêu thụ hết trong thời gian hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng với Công ty Tân Trường Sơn còn hiệu lực. Chính vì thế, Hưng Phát đã nhiều lần liên hệ với Tân Trường Sơn đề nghị gia hạn hợp đồng hoặc cho một khoảng thời gian nhất định để tiêu thụ hết hàng, nhưng chưa nhận được bất cứ thông báo

chính thức nào từ phía Tân Trường Sơn về việc đồng ý hoặc từ chối ký tiếp phụ lục gia hạn hợp đồng.

Ngày 01/12/2008, Tân Trường Sơn gửi văn bản nêu rõ, “kể từ ngày giấy chứng nhận hết hiệu lực cho đến nay, Hưng Phát vẫn tiếp tục kinh doanh sản phẩm này là cố tình vi phạm Luật SHTT về bản quyền KDCN của chúng tôi”.

Về xe hàng mà Đội QLTT số 17 tạm giữ ngày 24/6/2009, Hưng Phát cho rằng, phía Công ty Úc đã không có khuyến cáo việc Hưng Phát có dấu hiệu vi phạm quyền sở hữu công nghiệp (SHCN) là sai luật. Vì đến ngày 01/7/2009 (sau khi QLTT giữ hàng 1 tuần), Công ty Úc mới có công văn yêu cầu chấm dứt bán sản phẩm.

Ngoài ra, Hưng Phát cho biết, trong hai mẫu thanh nhôm định hình mà Đội QLTT số 14 tạm giữ ngày 25/11/2008 của Hưng Phát được gửi đến Cục SHTT xem xét, mẫu số 1 không xâm phạm. Vì thế, Chi cục QLTT Hà Nội có “Quyết định chuyển giao hoặc trả lại tang vật, phương tiện” cho Công ty Hưng Phát.

(Nguồn: Congan online, ngày 27/7/2009)

### Lời bình

1. Tân Trường Sơn là chủ sở hữu đối với KDCN đang được bảo hộ tại Văn bằng số 8106. Trong thời gian Văn bằng còn hiệu lực, Tân Trường Sơn đã ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng KDCN này với Hưng Phát. Việc chuyển quyền sử dụng là phù hợp với Điều 141 Luật SHTT và đã đăng ký theo quy định, được Cục SHTT ghi nhận. Thời hạn hợp đồng đến ngày 7/8/2008. Nhưng sau khi hợp đồng đã hết hạn, vì phát hiện trên thị trường vẫn có mặt sản phẩm mang KDCN thuộc sở hữu của mình nên ngày 01/12/2008, Tân Trường Sơn gửi văn bản yêu cầu Hưng Phát chấm dứt, không bán thanh nhôm

định hình có kiểu dáng không khác biệt với kiểu dáng được bảo hộ tại Văn bằng số 8106.

Tuy nhiên, Hưng Phát cho rằng, đây là sản phẩm sản xuất trong thời hạn hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng KDCN giữa hai bên, nhưng do tiêu thụ chậm nên còn tồn lại. Vậy, Hưng Phát đã sử dụng điều khoản nào của hợp đồng để viện dẫn lý do này?

Tại Điều 144, khoản 1, Luật SHTT quy định các nội dung chủ yếu phải có trong một hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN (trong đó điều khoản phải có là thời hạn chuyển giao) và khoản 2 quy định các điều khoản không được hạn chế bất hợp lý cho bên được chuyển giao quyền sử dụng. Trong hợp đồng của Tân Trường Sơn và Hưng Phát đã xác định thời hạn hợp đồng (đến 7/8/2008). Tuy nhiên, trong hợp đồng đó, hai bên không có nội dung thỏa thuận về số lượng sản phẩm do bên nhận chuyển quyền sử dụng KDCN được sản xuất trong thời hạn hợp đồng có hiệu lực. Nếu so sánh với Điều 144 khoản 1 thì nội dung này là ngoài nội dung cơ bản phải có, nhưng cũng không thuộc phạm vi nội dung bị coi là vô hiệu quy định tại khoản 2. Nếu hai bên trong quá trình thương lượng hợp đồng thỏa thuận có thêm nội dung này và ghi vào hợp đồng để ràng buộc nhau thì việc tranh chấp về số lượng sản phẩm do Hưng Phát đang bán có được sản xuất trong thời hạn hợp đồng có hiệu lực hay sản xuất sau khi hợp đồng hết hiệu lực sẽ dễ xác định. Từ đó, có điều kiện để kết luận Hưng Phát có hành vi xâm phạm quyền của Tân Trường Sơn hay không sau khi hết quyền sử dụng KDCN theo thời hạn của hợp đồng.

2. Cơ quan QLTT đã chấp nhận yêu cầu của Công ty Úc và sau khi tạm giữ hai xe chở hàng của Hưng Phát thì cơ quan QLTT đã từ chối xử lý. Vậy trong trường hợp này, Tân Trường Sơn và Công ty Úc nên gửi đơn đến cơ quan nào để được giải quyết?

Từ nội dung sự việc có thể nhận định, đây là tranh chấp về việc thực hiện hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng KDCN. Tân Trường Sơn và Công ty Úc cho rằng, mình bị thiệt hại về

kinh tế do quyền sử dụng KDCN bị xâm phạm. Do đó, Tân Trường Sơn và Công ty Úc nên áp dụng biện pháp dân sự, khởi kiện trước Tòa Dân sự hoặc cơ quan trọng tài (theo quy định tại mục d, khoản 1, Điều 198 Luật SHTT). Chỉ có các cơ quan này mới có điều kiện tiếp cận, sử dụng các chứng cứ xác thực do hai bên cung cấp để làm rõ số sản phẩm mà Hưng Phát cho rằng được tạo ra trong thời gian hiệu lực của hợp đồng (thuộc quyền sử dụng của Hưng Phát) hay thuộc quyền sở hữu của Tân Trường Sơn và quyền sử dụng của Công ty Úc. Trong trường hợp bên Hưng Phát không tự nguyện chứng minh số hàng hóa này được sản xuất trong thời điểm nào thì Tòa án sẽ buộc phải cung cấp (theo khoản 5 Điều 203).

Trong trường hợp do yếu tố tâm lý, cả Tân Trường Sơn, Công ty Úc không muốn đưa sự việc ra Tòa Dân sự, có thể cùng Hưng Phát lựa chọn giải pháp thỏa thuận đề nghị trọng tài kinh tế giải quyết hoặc nhờ tổ chức trung gian hòa giải. Đây là phương án có lợi về nhiều mặt (bảo mật được các số liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của các bên, thủ tục và kết luận dễ thi hành).

Trung gian hòa giải tạo điều kiện cho Tân Trường Sơn, Công ty Úc và Hưng Phát cung cấp thông tin cho nhau, trao đổi thông tin, giúp các bên hiểu được nhau, khuyến khích các bên đưa ra phương án mềm dẻo để giải quyết phù hợp, bảo vệ được lợi ích của các bên, chi phí ít, có thể sử dụng ngay từ khi mới xảy ra tranh chấp hay đã ở giai đoạn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền can thiệp.

3. Hưng Phát cho rằng, việc ngày 25/11/2008, Đội QLTT số 14 và ngày 24/6/2009, Đội QLTT số 17 thuộc Chi cục QLTT Hà Nội lần lượt tạm giữ hai xe hàng của Hưng Phát là không phù hợp vì đến ngày 01/7/2009 (1 tuần sau ngày giữ xe) phía Công ty Úc mới có công văn gửi cho Hưng Phát yêu cầu chấm dứt việc bán sản phẩm xâm phạm KDCN. Như vậy là sai quy định so với Điều 211 Luật SHTT và Nghị định số 105/2006/NĐ-CP, Nghị định số 106/2006/NĐ-CP.

Lập luận của Hưng Phát có phù hợp với quy định về thủ tục yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN không?

Đối chiếu với quy định của mục c khoản 1 Điều 211 Luật SHTT (2005) và mục b khoản 2 Điều 20 Nghị định số 106/2006/NĐ-CP quy định về thủ tục tiếp nhận đơn yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền và hành vi như thế nào sẽ bị kết luận là hành vi xâm phạm quyền chỉ rõ: Chủ thể quyền phải có văn bản khuyến cáo, yêu cầu bên xâm phạm chấm dứt hành vi đó trong thời hạn hợp lý. Sau đó bên xâm phạm không chấm dứt thì yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Việc chủ động thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hàng hóa được cơ quan có thẩm quyền chủ động tiến hành hoặc tiến hành theo yêu cầu của chủ thể quyền mà không cần khuyến cáo trước chỉ được áp dụng đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý và hàng hóa sao chép lậu. Không áp dụng trong trường hợp hàng hóa xâm phạm quyền đối với các đối tượng khác.

Trong trường hợp trên, Tân Trường Sơn, Công ty Úc, hay cả hai có quyền đưa ra khuyến cáo đối với Hưng Phát?

Luật SHTT quy định chủ thể quyền có quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm và trước đó chủ thể quyền có quyền gửi thông báo khuyến cáo cho bên có hành vi xâm phạm. Khoản 6 Điều 4 của Luật cũng giải thích chủ thể quyền là tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu quyền SHTT hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền SHTT. Như vậy, Tân Trường Sơn là chủ sở hữu quyền đối với KDCN được bảo hộ tại Văn bằng số 8106. Sau đó, Công ty Úc là bên được chuyển giao quyền sử dụng kiểu dáng này theo hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng với Tân Trường Sơn.

Như vậy, cả Tân Trường Sơn và Công ty Úc đều có quyền gửi thông báo, khuyến cáo các hành vi xâm phạm quyền đối với KDCN đang được bảo hộ tại Văn bằng 8106. Ngày 01/12/2008, Tân Trường Sơn đã có văn bản khuyến cáo Hưng Phát và ngày 24/6/2009, hàng hóa xâm phạm KDCN của Tân Trường Sơn mới

bị Đội QLTT số 17 tạm giữ. Hành xử của Đội QLTT số 17 là phù hợp với quy định. Lập luận của Hưng Phát về sự việc này là không đúng.

Điều lưu ý là theo quy định tại Điều 211 sửa đổi, bổ sung của Luật SHTT (2009) có hiệu lực từ 01/01/2010 không quy định chủ thể quyền (trong trường hợp này là Tân Trường Sơn và Công ty Úc) phải có thông báo yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm. Đây là nội dung mới, có tác dụng đơn giản hóa thủ tục tố cáo hành vi xâm phạm quyền SHTT.

4. Sau một thời gian thụ lý vụ việc và tạm giữ các thanh nhôm có KDCN thuộc chủ sở hữu là Tân Trường Sơn và người được chuyển giao quyền sử dụng là Công ty Úc, cơ quan QLTT đã lập biên bản, ghi lại hiện trạng và trả lại hàng hóa cho Hưng Phát. Việc làm như vậy có đúng quy định không?

Rõ ràng bên cạnh hành vi xâm phạm quyền của Hưng Phát, thể hiện cụ thể là vẫn còn buôn bán một số hàng hóa có KDCN thuộc quyền sở hữu của Tân Trường Sơn và quyền sử dụng của Công ty Úc, có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng KDCN giữa Tân Trường Sơn và Hưng Phát trước đó. Hợp đồng này đã thiếu một số điều khoản ràng buộc khi thực hiện. Từ đó phát sinh tranh chấp về số lượng hàng hóa còn lại sau khi hết hạn hợp đồng. Việc giải quyết tranh chấp này không thuộc trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính (như QLTT). Vì vậy, việc Chi cục QLTT Hà Nội ghi nhận hiện trạng, trả lại hàng hóa và yêu cầu các bên giải quyết tranh chấp này tại các cơ quan khác (Tòa án, trọng tài) là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị định số 105/2006/NĐ-CP./.

## TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN KIẾN THỨC VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

### PHẦN I: MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ

**Câu hỏi 1. Thế nào là quyền sở hữu trí tuệ. Sở hữu trí tuệ bao gồm các đối tượng nào?**

Trả lời: Trí tuệ là khả năng nhận thức lý tính đạt đến một trình độ nhất định. Quyền sở hữu trí tuệ bao gồm các quyền sở hữu đối với sản phẩm của hoạt động trí tuệ và tinh thần như: Tác phẩm văn học, nghệ thuật, tác phẩm khoa học, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, bí mật kinh doanh, chỉ dẫn địa lý và giống cây trồng.

Các đối tượng sở hữu trí tuệ được Nhà nước bảo hộ bao gồm: Đối tượng quyền tác giả: Tác phẩm văn học, nghệ thuật và tác phẩm khoa học; đối tượng liên quan đến quyền tác giả như: Cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá. Đối tượng quyền sở hữu công nghiệp: Sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh, tên thương mại, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn; đối tượng quyền đối với giống cây trồng: Giống cây trồng và vật liệu nhân giống.

Sở hữu trí tuệ bao gồm ba nhóm: Nhóm quyền tác giả (bản quyền tác giả), nhóm sở hữu công nghiệp (quyền sở hữu công nghiệp) và giống cây trồng (Điều 3 Luật SHTT).

**Câu hỏi 2. Thế nào là quyền tác giả?**

Trả lời: Quyền tác giả là quyền sở hữu của cá nhân, pháp nhân đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu, thường gọi là bản quyền tác giả.

Quyền tác giả thường được xác lập đối với những người sáng tạo ra tác phẩm gốc về văn học, kịch, âm nhạc, nghệ thuật.

Quyền này cho phép người sáng tạo

kiểm soát được việc khai thác, sao chép, cải biên, công bố tác phẩm của mình.

Đối tượng quyền liên quan đến quyền tác giả bao gồm các cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình mã hoá (Điều 4.3 Luật SHTT)

**Câu hỏi 3. Thế nào là tác phẩm? Tác phẩm nào được bảo hộ quyền tác giả?**

Trả lời: Tác phẩm là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

Tác phẩm còn có thể thể hiện bằng các ký hiệu thay cho chữ viết như chữ nổi, ký hiệu tốc ký, ký hiệu tương tự khác mà có thể sao chép bằng nhiều hình thức khác nhau (Điều 9 Nghị định 100/2006/NĐ-CP).

Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học được Nhà nước bảo hộ là các loại tác phẩm:

Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác.

- Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác được thể hiện dưới dạng ngôn ngữ nói và được định hình dưới dạng vật chất nhất định (Điều 10 Nghị định 100/2006/NĐ-CP).

- Tác phẩm sân khấu bao gồm thuộc loại hình biểu diễn như kịch nói, nhạc vũ kịch, ca kịch, kịch câm, xiếc, múa, múa rối và các loại hình tác phẩm sân khấu khác (Điều 13 Nghị định 100/2006/NĐ-CP).

- Tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự là tác phẩm được hợp thành bằng hàng loạt hình ảnh liên tiếp tạo nên hiệu ứng chuyển động kèm theo hoặc



không kèm theo âm thanh, được thể hiện trên chất liệu nhất định có thể phân phối, truyền đạt tới công chúng bằng các thiết bị kỹ thuật, công nghệ. Tác phẩm điện ảnh gồm các loại phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình và các loại hình tương tự khác (Điều 16 Nghị định 100/2006/NĐ-CP).

- Tác phẩm báo chí gồm: Phóng sự, ghi nhanh, tường thuật, phỏng vấn, phản ảnh, điều tra, bình luận, chuyên luận, ký báo chí và các thể loại khác nhằm đăng, phát trên báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử hoặc các phương tiện khác (Điều 11 Nghị định 100/2006/NĐ-CP).

- Tác phẩm âm nhạc là tác phẩm được thể hiện dưới dạng nhạc nốt trong bản nhạc hoặc các ký tự âm nhạc khác có hoặc không có lời, không phụ thuộc vào việc trình diễn hay không (Điều 12 Nghị định 100/2006 NĐ-CP).

- Tác phẩm kiến trúc là bản vẽ thiết kế thể hiện ý tưởng sáng tạo về ngôi nhà, công trình xây dựng, quy hoạch không gian đã hoặc chưa xây dựng. Tác phẩm kiến trúc bao gồm các bản vẽ, thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt, phối cảnh, thể hiện ý tưởng sáng tạo về ngôi nhà, công trình, tổ hợp công trình kiến trúc, tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan một vùng, đô thị, hệ thống đô thị, khu chức năng, đô thị, khu dân cư (Điều 17 Nghị định 100/2006/NĐ-CP).

- Tác phẩm tạo hình là tác phẩm được thể hiện bằng đường nét, hình khối, màu sắc, bố cục như hội họa, đồ họa, điêu khắc, nghệ thuật sắp đặt và các hình thức thể hiện khác tồn tại dưới dạng độc bản. Đối với loại hình đồ họa có thể thể hiện đến phiên bản thứ 50, có số thứ tự và có chữ ký của tác giả (Điều 15.1 Nghị định 100/2006/NĐ-CP).

- Mỹ thuật ứng dụng là tác phẩm được thể hiện bằng đường nét, hình khối, màu sắc, bố cục với tính năng hữu ích, có thể gắn liền với đồ vật hữu ích, được sản xuất hàng loạt, bằng tay hoặc bằng máy như biểu trưng, hàng thủ công mỹ nghệ, hình thức thể hiện trên sản phẩm, bao bì sản phẩm (Điều 15.2 Nghị định 100/2006/NĐ-CP).

- Tác phẩm nhiếp ảnh là tác phẩm thể

hiện hình ảnh của thế giới khách quan trên vật liệu bất sáng hoặc trên phương tiện mà hình ảnh được tạo ra hay có thể tạo ra bằng bất cứ phương tiện kỹ thuật nào. Có thể là phương pháp hóa học, điện tử, hoặc phương pháp khác (Điều 16 Nghị định 100/2006/NĐ-CP).

- Bản họa đồ, bản vẽ, sơ đồ, bản đồ có liên quan đến địa hình, các loại công trình khoa học (Điều 18 Nghị định 100/2006/NĐ-CP).

- Chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu.

- Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian (Điều 14 luật SHTT).

#### **Câu hỏi 4. Những người nào được coi là tác giả của tác phẩm?**

Trả lời: Những người trực tiếp sáng tạo ra một phần hoặc toàn bộ tác phẩm văn học, nghệ thuật và tác phẩm khoa học là tác giả của tác phẩm. Tác giả bao gồm:

- Cá nhân người Việt Nam có tác phẩm được bảo hộ.

- Cá nhân người nước ngoài có tác phẩm được sáng tạo và thể hiện dưới hình thức vật chất nhất định tại Việt Nam; có tác phẩm được công bố lần đầu tiên ở Việt Nam; có tác phẩm được bảo hộ tại Việt nam (Điều 8 Nghị định 100/2006/NĐ-CP).

Ngoài ra, những người dưới đây cũng được công nhận là tác giả như người dịch tác phẩm từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác được coi là tác giả tác phẩm dịch; người phóng tác từ tác phẩm đã có, người cải biên, chuyển thể tác phẩm từ loại hình nghệ thuật này sang loại hình khác được coi là tác giả của tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể; người biên soạn, chủ giải, tuyển chọn tác phẩm của người khác thành tác phẩm có tính sáng tạo được coi là tác giả biên soạn, chú giải, tuyển chọn (Điều 13 Luật SHTT)/.

*(Xem tiếp số sau)*

**BBT**



# DỰ ÁN 147 - CƠ HỘI VÀNG PHÁT TRIỂN RỪNG KINH TẾ

Trần Ngọc Sơn

*Dự án 147/CP của Chính phủ ra đời chính sách đầu tư hỗ trợ phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007 - 2015, nhằm đẩy nhanh tiến độ chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng của cả nước. Khuyến khích nhân dân nông thôn miền núi tích cực tham gia sản xuất kinh doanh rừng, phát triển kinh tế xã hội từng bước xóa đói giảm nghèo và cải thiện môi trường sinh thái ở địa phương.*

Vừa qua, chúng tôi có cuộc hành trình cùng các đồng nghiệp ở Hạt Kiểm lâm Yên Thế (Bắc Giang) đi thăm quan những mô hình trồng rừng kinh tế được đầu tư bằng nguồn vốn Dự án 147 trên địa bàn huyện. Xe đi qua thị tứ Mỏ Trạng chừng 1 km thì đến đoạn đường đất, đến đầu con dốc bản Bãi Lát, xã Tam Tiến thì gặp đường trơn nhầy nhựa như láng mỡ, do thời tiết ở đây vừa mưa dầm dầy ngày liên tiếp. Chiếc xe PORD bán tải do Hạt Trưởng Thanh cầm lái lắc lư liệng tránh những ổ trâu, ổ gà trên đường còn đục ngầu đầy nước đọng. Qua ô kính xe, trước mắt chúng tôi là bạt ngàn màu xanh của những rừng keo lai, bạch đàn giống mới với nhiều độ tuổi khác nhau. Đọc đường đi, anh Dương Quang Hiền, kiểm lâm phụ trách địa bàn xã Tam Tiến liên tiếp giới thiệu những lô rừng do dự án đầu tư trồng năm 2009 và 2010 mà cây đã cao tới hàng chục mét. Xen lẫn những lô rừng của Dự án 147 là những cánh rừng nhân dân tự bỏ vốn đầu tư, hoặc trồng bằng các nguồn vốn Dự án PAM, 327, 661... hòa quyện thành một dải rừng xanh ngút tầm mắt. Đến bản Thị Cùng, xã Tam Tiến gặp anh Đặng Hữu Tài (dân tộc Dao) đang chăm sóc chặt tỉa rừng keo lai, nói về chuyện trồng rừng, anh kể: “Thấy nhiều hộ trong xã từ trồng rừng mà thoát nghèo, được cán bộ kiểm lâm tuyên truyền chính sách trồng rừng của Nhà nước, gia đình tôi mạnh dạn phá bỏ 2,3 ha rừng dây leo, bụi giậm chuyển

sang trồng rừng kinh tế, hy vọng cuộc sống sẽ khá lên từ đầu tư trồng rừng”. Trước lợi thế, đất đai và tiềm năng sẵn có, nhiều hộ gia đình ở Yên Thế hiểu, việc đầu tư phát triển trồng rừng kinh tế là con đường dẫn tới cơ hội thoát nghèo. Qua câu chuyện, ông Đồng Xuân Thanh, Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm - Phó Ban quản lý Dự án 147 huyện Yên Thế cho biết: “Do làm tốt công tác tuyên truyền chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước, khi triển khai dự án chúng tôi gặp rất nhiều thuận lợi, đông đảo nhân dân đồng tình ủng hộ. Từ năm 2009 - 2011, toàn huyện đã trồng được 949,9 ha rừng kinh tế tập trung và 1.400.000 cây phân tán các loại. Từ công tác lựa chọn giống đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, phù hợp với điều kiện đất đai của địa phương. Trồng rừng phải đúng vụ kết hợp với chăm sóc đúng kỹ thuật lâm sinh nên cây trồng sinh trưởng khá tốt so với yêu cầu đặt ra”. Với lợi ích thiết thực của dự án, nhiều hộ gia đình đã mạnh dạn phá bỏ các diện tích vườn tạp, rừng hoang hóa kém hiệu quả kinh tế, đồng thời đưa những diện tích đất trống, đồi núi trọc vào đầu tư trồng rừng. Điển hình như gia đình: Ông Vi Văn Hoan ở bản Trại Hạ, xã Đồng Tiến phá 3,5 ha vườn tạp và vải thiều cần cỗi sang trồng bạch đàn giống mới. Ông Hoàng Văn Tăng ở bản Góc Bòng, xã Đồng Tiến phá 2,4 ha vườn vải thiều để trồng keo lai. Ông Võ Công Định, bản Đồng Tân, xã Đồng Vương cũng cải tạo 3,0 ha vườn rừng sang chuy-

tích rừng và đất lâm nghiệp là 65.573 ha, chiếm 77,5% diện tích tự nhiên. Công tác bảo vệ và phát triển rừng đóng vai trò vô cùng quan trọng trong mục tiêu cơ cấu phát triển kinh tế của huyện “Đất đai vùng này rất hợp với cây keo lai, nhiều rừng keo 4 năm tuổi mà chiều cao vút ngọn tới 13 - 18 m, đường kính thân cây đạt từ 10 - 16 cm. Cây trồng do dự án cung cấp giống mới, chất lượng tốt rút ngắn chu kỳ khai thác từ 3 - 4 năm, sản lượng gỗ có thể đạt từ 80 – 100 m<sup>3</sup>/ha - Ông Nguyễn Văn Hiệu, Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm Sơn Động cho chúng tôi hay”. Mục sở thị, chúng tôi được ông Hiệu đưa đi thăm và giới thiệu lô rừng keo diện tích 2,0 ha của gia đình

### *Kiểm lâm địa bàn xã Đông Tiến hướng dẫn ông Nông Văn Hiệp chăm sóc rừng trồng năm thứ 3 do Dự án 147 đầu tư*

ển trồng bạch đàn giống mới. Mấy năm gần đây, phong trào trồng rừng kinh tế ở Yên Thế là một trong những địa phương tiêu biểu của cả nước, được nguồn vốn Dự án 147 đầu tư đã khuyến khích các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình tích cực tham gia sản xuất kinh doanh rừng. Nhiều xã có phong trào trồng rừng tiêu biểu được nhiều nơi biết tới như: Xã Tam Tiến, Xuân Lương, Đông Vương, Canh Nậu, Tiến Thắng và Đông Sơn.

Rời Yên Thế, chúng tôi lại đến với huyện miền núi vùng cao Sơn Động, huyện có tổng diện tích tự nhiên là 84.577 ha, trong đó diện

ông Nguyễn Văn Liễu, thôn Trại Chùa, xã Yên Định trồng năm 2009 bằng nguồn vốn hỗ trợ đầu tư của Dự án 147. “Biết có dự án đầu tư gia đình tôi quyết định khai phá khu rừng lau lách này đi để trồng cây keo lai. Cứ đà này, sang năm lô rừng này được khai thác, với giá bán hiện nay tôi sẽ thu về gần 130 triệu đồng, số tiền ấy cũng giải quyết được khá nhiều việc lớn chứ! Tôi rất cảm ơn chính sách quan tâm của Đảng và Nhà nước - Anh Liễu tâm sự”. Xã Yên Định có 2.139,73 ha rừng và đất lâm nghiệp, trước đây chủ yếu là vườn, rừng nghèo kiệt, trong hai năm 2009 và 2010, nhờ có dự án đầu tư, nhân dân đã

cải tạo chuyển đổi mục đích sử dụng những vườn rừng nghèo kiệt kém hiệu quả thay thế bằng trồng mới 180 ha rừng kinh tế. Đến nay, địa bàn huyện Sơn Động đã thực hiện trồng được 2.533 ha, và trên 276.000 cây phân tán. Dự án 147 đến với huyện miền núi vùng cao Sơn Động như một làn gió mới lan tỏa thúc đẩy mạnh mẽ phong trào trồng rừng kinh tế khắp các xã như: Thạch Sơn, Phúc Thắng, Hữu Sản, Vân Sơn, An Châu, Tuấn Đạo và Yên Định....

Theo Chi cục Phát triển Lâm nghiệp, chính sách đầu tư của dự án với tiêu chí là hộ gia đình là người dân tộc được đầu tư hỗ trợ 2 triệu đồng/ha, người Kinh là 1,5 triệu đồng/ha, riêng đối với huyện miền núi đặc biệt khó khăn Sơn Động là 5.000.000 đồng/ha. Trong 3 năm 2009 - 2011, thực hiện Dự án 147, các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trên địa bàn tỉnh đã trồng được 12.920,6 ha rừng kinh tế tập trung. Những năm gần đây, nhân dân nông thôn miền núi trên địa bàn các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam và Yên Thế thực sự quan tâm đầu tư trồng rừng phát triển kinh tế với nhiều hình thức như: Vốn dự án hỗ trợ, tự bỏ vốn đầu tư, liên doanh liên kết trong nhân dân hoặc với các Công ty lâm nghiệp. Ở Bắc Giang, giờ đây tác đất được người dân ví như “tác vàng”, ngày càng xuất hiện nhiều thêm những tỷ phú, triệu phú giàu lên từ trồng rừng như: Trần Văn Nhân; Triệu Ngọc Túc, xã Tam Tiến; Dương Thành Long, xã Đồng Vương; Trần Văn Mùi; Đào Văn Bắc, xã Canh Nậu; Nguyễn Hữu Dũng, thị trấn Cầu Gồ (Yên Thế). Đào Công Hoa, thị trấn Chũ (Lục Ngạn) Ngô Ngọc Thắng; Lê Văn Hoan, xã An Lạc (Sơn Động); Trương Văn Quý, xã Bình Sơn; Trần Xuân Lại, xã Vô Tranh (Lục Nam)... Dự án 147 ra đời, kịp thời kích cầu khuyến khích thúc đẩy phong trào trồng rừng khắp các địa phương trong tỉnh. Nhiều hộ gia đình kinh tế khó khăn muốn trồng rừng lại thiếu vốn đầu tư, được dự án hỗ trợ kịp thời nên rất phấn khởi tích cực hưởng ứng tham gia vì lợi ích đã đem lại về cho chính họ. Ban quản lý Dự án 147 cấp tỉnh quan tâm chỉ đạo Ban quản lý Dự án 147 huyện thực hiện triển khai dự án, là thành viên ban quản lý dự án, các đơn vị Hạt Kiểm lâm cơ sở luôn đóng vai trò nòng cốt tham mưu giúp Chủ tịch UBND

huyện, xã trực tiếp lập hồ sơ thiết kế lô trồng rừng, hướng dẫn nhân dân kỹ thuật trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng. Dự án 147 là cơ hội vàng đến với người dân nông thôn miền núi, khuyến khích nhân dân đẩy mạnh phong trào trồng rừng phát triển kinh tế và cải thiện môi trường sinh thái. Đưa độ che phủ rừng của tỉnh đến nay đạt 38%, mục tiêu phấn đấu vào năm 2015 sẽ đạt 42% theo mục tiêu của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đặt ra, góp phần đẩy nhanh tiến độ Chương trình dự án trồng 5 triệu ha rừng của cả nước. Tuy nhiên, trong công tác phát triển rừng hiện nay còn nhiều những khó khăn phức tạp như: Việc lấn chiếm, tranh chấp rừng, đất rừng và khai thác lâm sản trái phép. Cỏ ý đốt rừng phá hại kinh tế và môi trường còn diễn ra ở một số nơi trên địa bàn. Cần có những giải pháp áp dụng các cơ chế, chính sách phát triển lâm nghiệp thông thoáng phù hợp tại từng địa phương. Quyền hưởng lợi và nghĩa vụ của người dân trong sản xuất kinh doanh nghề rừng, gắn trách nhiệm hơn nữa với các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đồng thời thực hiện luân canh loài cây trồng nhằm cải tạo chống thoái hóa xói mòn đất. Các ngành chức năng cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền Luật Bảo vệ và Phát triển rừng sâu rộng trong nhân dân, đặc biệt là nông thôn miền núi. Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đề án giao, cho thuê rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2009 - 2013./.

# BƯỚC TIẾN CỦA MỘT DOANH NGHIỆP

Văn Ly - Phúc Thiện

**H**òa chung không khí phấn khởi mừng Đảng, mừng xuân, mừng đất nước đổi mới tập thể cán bộ công nhân viên, người lao động Công ty CP Xuất nhập khẩu Bắc Giang lại có dịp hội tụ đông đủ để cùng nhau chia sẻ những khó khăn vất vả và cả những thành công của đơn vị đạt được trong năm qua. Trong buổi gặp mặt này mọi người đã cùng nhau tâm sự, và gửi cho nhau những lời chúc tốt đẹp nhất nhân dịp năm mới.

Năm 2011 có ý nghĩa quan trọng đặc biệt đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang nói chung và Công ty CP Xuất nhập khẩu Bắc Giang nói riêng. Đây là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp. Mặc dù chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế trong hơn 3 năm qua dẫn đến lạm phát tăng, năm khó khăn cho các doanh nghiệp, nguồn vốn vay với lãi suất cao, giá nguyên vật liệu đầu vào tăng... Song với quyết tâm dám nghĩ, dám làm và truyền thống đoàn kết của tập thể HĐQT, Ban Giám đốc công ty, sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên lao động công ty đã tận dụng cơ hội vượt qua muôn vàn khó khăn lập nên những thành tích đáng tự hào.

Được biết Công ty CP Xuất nhập khẩu Bắc Giang là đơn vị có bề dày trong hoạt động sản xuất kinh doanh đa ngành nghề như: Sản xuất giấy in, giấy viết, kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản... Hiện nay quy mô của công ty đã không ngừng lớn mạnh với 10 đơn vị trực thuộc như: Nhà máy giấy Xương Giang, Kho ngoại quan, Xí nghiệp tấm lợp thép hình và các chi nhánh đặt tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Lạng Sơn, Quảng Ninh, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được thực hiện nhanh gọn và tạo niềm tin đối với khách hàng. Để đạt được kết quả trên là do công ty đã tích cực tìm kiếm, mở

rộng thị trường, nâng cao hiệu quả sản xuất, đẩy mạnh xuất nhập khẩu, tăng cường liên doanh, liên kết với các bạn hàng lớn. Vì vậy mà doanh thu của công ty đã duy trì tăng trưởng, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động toàn công ty.

Trong số các đơn vị sản xuất kinh doanh dịch vụ của công ty thì nhà máy giấy Xương Giang là một trong những đơn vị điển hình đóng góp một phần quan trọng để doanh nghiệp phát triển bền vững. Được biết nhà máy giấy Xương Giang được xây dựng quy mô 05 ha có tổng mức đầu tư trên 90 tỷ đồng được xây dựng tại Khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng, chính thức đi vào sản xuất cuối năm 2006, thì đầu năm 2007 sản phẩm giấy Xương Giang chính thức được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ cho sản phẩm giấy Xương Giang có Logo Công ty IMEXCO gồm các sản phẩm như: Giấy in, giấy viết, giấy phôi tô cao cấp. Để tạo ra sản phẩm có chất lượng cao đủ sức cạnh tranh trên thị trường công ty đã đầu tư dây chuyền công nghệ hiện đại, sản xuất giấy chất lượng đáp ứng được nhu cầu sử dụng của thị trường trong nước và xuất khẩu. Mặt khác công ty tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ, công nhân lành nghề từng bước nâng cao công tác quản lý điều hành và sức cạnh tranh của sản phẩm. Hiện nay công ty đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 - 2008. Nên sản phẩm được quản lý chất lượng chặt chẽ trong từng khâu sản xuất, trình độ quản lý của cán bộ và tay nghề của công nhân được nâng lên, sản phẩm trước khi xuất xưởng phải qua hệ thống KCS kiểm định đạt yêu cầu mới được cung cấp ra thị trường. Chính vì vậy mà hiện nay sản phẩm của công ty đã có mặt ở nhiều tỉnh thành trong cả nước và xuất khẩu sang thị trường nước ngoài.



Cùng với việc đầu tư, nâng cấp các trang thiết bị hiện đại trong dây chuyền sản xuất giấy nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và điều kiện làm việc tốt cho người lao động thì công ty đã mạnh dạn đầu tư dự án sản xuất giấy tissue công suất 5.000 tấn/năm với diện tích trên 4.700 m<sup>2</sup>, nhà xưởng và nhà hoàn thành, tổng mức vốn đầu tư trên 35 tỷ đồng. Đây là dây chuyền hiện đại, tự động hóa trên 90% các công đoạn sản xuất. Trong quá trình lắp đặt và chạy thử nghiệm đã cho ra sản phẩm chất lượng tốt và đến tháng 10 năm 2011 chính thức đưa sản phẩm ra thị trường. Hiện nay các sản phẩm gồm khăn giấy, giấy vệ sinh cao cấp đã được Cục SHTT-Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Văn bằng bảo hộ với nhãn hiệu giấy Posy và sau hơn hai tháng đi vào sản xuất thì sản phẩm đã khẳng định được khả năng cạnh tranh trên thị trường tại nhiều tỉnh, thành phố trong nước đồng thời tạo việc làm mới cho trên 40 lao động.

Bên cạnh việc phát huy có hiệu quả sản phẩm giấy mang nhãn hiệu Xương Giang, giấy Posy thì Công ty CP Xuất nhập khẩu Bắc Giang đã tăng cường khảo sát thị trường và mạnh dạn đầu tư xây dựng nhà siêu thị IMEXCO Bắc Giang. Siêu thị này có tổng diện tích gần 1.000 m<sup>2</sup>, kinh doanh các loại sản phẩm: Đồ điện gia dụng, rượu, bia, nước giải khát, bánh kẹo, hàng dân dụng... Dạo qua các dãy hàng kinh doanh trong siêu thị thì được biết hầu hết các mặt hàng ở đây phần lớn phục vụ cho nhu cầu sử dụng thiết yếu hàng ngày của người dân. Đặc biệt có khoảng trên 80% là các sản phẩm mang thương hiệu Việt, còn lại là các sản phẩm có xuất xứ tại một số quốc gia như: Thái Lan, Trung Quốc, Mỹ... 100% hàng hóa được mã vạch, mã hóa và niêm yết giá cả tại quầy hàng.

Mặc dù siêu thị IMEXCO mới đi vào hoạt động nhưng công tác quản lý chất lượng hàng hóa cũng như phong cách phục vụ đã được khách hàng đánh giá cao. Và năm nay siêu thị IMEXCO, thuộc Công ty CP Xuất nhập khẩu Bắc Giang được UBND tỉnh chọn là 1 trong 4 doanh nghiệp tổ chức bán hàng bình ổn giá trong dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Thìn năm 2012. Theo đó các mặt hàng tham gia

bình ổn giá như: Dầu ăn; đường; gạo; bánh kẹo các loại... được dự trữ đảm bảo khối lượng hàng hóa, các tiêu chuẩn về chất lượng, và vệ sinh an toàn thực phẩm. Tại các điểm bán hàng bình ổn giá, siêu thị IMEXCO treo băng rôn, thông báo công khai và thực hiện quy định về niêm yết giá bán tại các điểm bán hàng đúng theo giá đã cam kết, góp phần bảo vệ quyền lợi cho người tiêu dùng trên địa bàn.

Phát huy mọi nguồn lực, Công ty CP Xuất nhập khẩu Bắc Giang tích cực chủ động đổi mới phương thức quản lý, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật; thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động. Trên cơ sở đó năm 2011, công ty đã có tổng doanh thu đạt trên 670 tỷ đồng tăng 25,1% so với năm trước. Tổng lãi đạt 8,3 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 53 tỷ đồng, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động với thu nhập bình quân đạt 3,8 triệu đồng/người/tháng. Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, hàng năm công ty dành hàng trăm triệu đồng tham gia các hoạt động xã hội từ thiện nhân đạo do các cấp các ngành, phát động. Nhiều năm liền các tổ chức Đảng, đoàn thể và nhiều tập thể, cá nhân Công ty CP Xuất nhập khẩu Bắc Giang đạt thành tích xuất sắc vinh dự được các Bộ, ban ngành; Tỉnh ủy, UBND tỉnh trao tặng Bằng khen.

Một mùa xuân mới lại về, cùng với đà phát triển của năm 2011, phát huy tinh thần đoàn kết của tập thể lãnh đạo và người lao động trong công ty cùng những giải pháp lãnh chỉ đạo đúng đắn, nhạy bén năng động. Tin chắc rằng năm 2012, Công ty CP Xuất nhập khẩu Bắc Giang tiếp tục sẽ có những bước tiến mới, gặt hái được nhiều thành công, góp phần cùng các doanh nghiệp của tỉnh nhà đoàn kết, vượt qua mọi khó khăn thách thức thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển bền vững, thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đề ra, xây dựng quê hương Bắc Giang ngày một giàu đẹp văn minh./.



## **NHÌN LẠI HAI NĂM THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LÚA LAI GIAI ĐOẠN 2009 - 2011**

Thanh Phúc

Có thể khẳng định rằng, sản xuất nông nghiệp ở tỉnh ta hiện nay đang có bước chuyển biến mạnh mẽ, theo hướng tích cực. Nhiều cây trồng vật nuôi cho hiệu quả kinh tế cao đã được ngành nông nghiệp lựa chọn đưa vào sản xuất, những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới như sản xuất lúa lai và cây ăn quả theo tiêu chuẩn VietGAP, chăn nuôi gia cầm gia súc theo hướng an toàn sinh học, nuôi trồng thủy sản theo hướng GAP đã dần mang lại lợi ích và hiệu quả cao cho người nông dân... Một trong số thành công ấy phải kể đến sự đóng góp to lớn của Đề án phát triển sản xuất lúa lai giai đoạn 2009 - 2011, đã góp phần đưa năng suất lúa bình quân, sản lượng thóc của tỉnh tăng cao nhất kể từ trước đến nay. Ví như năm 2010, năng suất lúa bình quân của tỉnh đạt 53,3 tạ/ha, sản lượng thóc đạt 597,32 tấn...

Những năm trước đây, năng suất lúa bình quân chung hàng năm của tỉnh chỉ đạt 45-47 tạ/ha, thấp hơn nhiều so với các tỉnh khác trong vùng có điều kiện tương tự. Nguyên nhân là do trong cơ cấu giống, người dân chủ yếu vẫn sử dụng các giống lúa thuần tới 90%, diện tích gieo cấy lúa lai còn rất hạn chế. Cụ thể như năm 2006 diện tích lúa lai của toàn tỉnh là 3.953 ha chiếm 3,5%, năm 2007 là 3.353 ha chiếm 3%, năm 2008 là 4.100 ha chiếm 3,7%. Qua tìm hiểu mới thấy hạn chế đó là do giá giống lúa lai đắt gấp 3 - 4 lần giá giống lúa thuần, hơn nữa trồng lúa lai lại đòi hỏi kỹ thuật sản xuất cao nên phần đông bà con nông dân đã từ chối tiếp cận với cây lúa lai. Nhận thấy tâm lý đó của người dân nên ngay khi có quyết định phê duyệt Đề án phát triển sản xuất lúa lai giai đoạn 2009 - 2011 (tổng diện tích thực hiện là 25.000 ha, tổng kinh phí hỗ trợ Đề án là 17 tỷ đồng) UBND tỉnh đã dành ngân sách hỗ trợ 40% giá giống (khoảng 15,4 tỷ đồng); chỉ đạo UBND các huyện, thành phố chủ động trích ngân sách hỗ trợ thêm giá 20 - 60% giá giống lúa lai và hỗ trợ từ 50 - 55 kg kali/ha cho người sản xuất lúa lai. Sở Nông nghiệp và PTNT đã

tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thành phố thành lập Ban chỉ đạo Đề án lúa lai các cấp và phân công đơn vị chuyên môn phụ trách các huyện trọng điểm như: Tân Yên, Việt Yên, Yên Dũng, Lạng Giang, Lục Nam. Để cây lúa lai sớm đến với người nông dân, UBND tỉnh còn chỉ đạo các cơ quan ở tỉnh, huyện, địa phương tập trung cao cho công tác thông tin tuyên truyền, tổ chức gần 3.000 lớp tập huấn cho nông dân và cán bộ chuyên môn cơ sở về kỹ thuật sản xuất lúa lai, đưa 707 tin bài, phóng sự, in sao 1.000 đĩa VCD, 1.000 cuốn sách kỹ thuật, phát hành gần 250.000 tờ rơi hướng dẫn quy trình kỹ thuật thâm canh và phòng trừ sâu bệnh lúa lai phát đến tận tay người dân. Cùng đó chỉ đạo Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp cung ứng 502 tấn thóc giống lúa lai, vật tư phục vụ sản xuất cho nông dân; trình diễn các mô hình sản xuất điểm để bà con nông dân được tận mắt thấy được hiệu quả của cây lúa lai và ký cam kết trách nhiệm với các địa phương bảo hành chất lượng các giống lúa lai đến hết vụ sản xuất. Ngoài ra, công ty còn ưu tiên cung ứng bón phân trả chậm cho nông dân các địa phương qua mạng lưới các công ty vật tư huyện, cán bộ khuyến

nông cơ sở.

Nhờ sự nỗ lực cố gắng của toàn ngành nông nghiệp, sau 2 năm thực hiện đề án đã đem lại kết quả đáng mừng với tổng diện tích gieo cấy lúa lai toàn tỉnh hiện nay (theo đề án) là gần 21.000 ha, (vụ Chiêm Xuân năm 2010 là 8.932 ha, vụ Chiêm Xuân năm 2011 là 12.014 ha), năng suất lúa đạt 71,7 tạ/ha, sản lượng thóc đạt 150.245 tấn. Một số huyện vượt kế hoạch về diện tích gieo cấy và năng suất lúa lai như: Tân Yên, Việt Yên, Yên Dũng, Lục Nam... Tại các huyện trọng điểm đã hình thành được vùng sản xuất lúa lai tập trung cho hiệu quả kinh tế cao với bộ giống lúa lai được chọn lọc qua thực tế sản xuất là Syn6, Thực hưng 6, Đặc ưu 11, TH3-3, Q.ưu 1, BTE. Đây đều là những giống lúa lai có năng suất cao, chất lượng gạo ngon, có khả năng chống chịu sâu bệnh khá... Chị Nguyễn Thị Hòa – Bí thư chi bộ thôn An Lập, xã Ngọc Lý (Tân Yên) cho biết: “Khi đề án mới vào, nhiều người dân trong thôn cũng có tâm lý ngại cấy lúa lai. Song qua thực tế 2 năm sản xuất, được sự hướng dẫn cụ thể của cán bộ khuyến nông từ

tỉnh đến cơ sở chúng tôi đã sản xuất thành công mô hình cấy lúa lai với năng suất đạt từ 3 - 3,2 tạ/sào, cao hơn hẳn so với cấy lúa thường. Cây lúa lai đã thực sự lấy được niềm tin của bà con, vì vậy đến nay khoảng 90% bà con trong thôn tham gia sản xuất lúa lai”. Kết quả trên đã góp phần nâng tổng giá trị thu được qua 2 năm thực hiện Đề án phát triển sản xuất lúa lai của tỉnh là 1.077 tỷ đồng, trừ chi phí sản xuất lợi nhuận thu được khoảng 390 tỷ đồng. Bên cạnh đó, đề án còn mang lại hiệu quả xã hội rõ rệt, tạo niềm tin tưởng phấn khởi của cấp ủy đảng, chính quyền và người dân trong việc đưa cây lúa lai vào sản xuất; nâng cao trình độ nhận thức, kinh nghiệm của các cấp chính quyền và nhân dân trong công tác chỉ đạo và đầu tư thâm canh lúa lai một cách hiệu quả. Đây cũng là tiền đề để các cấp chính quyền cần có nhiều chính sách hỗ trợ, đầu tư hơn nữa vào sản xuất lúa lai, khuyến khích bà con nông dân tiếp tục mở rộng diện tích gieo cấy lúa lai trong những vụ tiếp theo.

Bên cạnh những thành công trên, sau 2 năm thực hiện đề án vẫn còn một số hạn chế

như: Một số huyện không hoàn thành kế hoạch gieo cấy lúa lai như huyện Sơn Động, Hiệp Hòa...; cấp ủy đảng, chính quyền cơ sở một số nơi chưa thực sự quan tâm sâu sát trong việc chỉ đạo sản xuất lúa lai, còn nóng vội trong việc giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình cung ứng và gieo cấy giống lúa lai, gây thiệt hại cho người nông dân; công tác quản lý chất lượng giống trước khi đưa vào gieo cấy còn chưa triệt để, dẫn đến một số lô giống lúa lai như giống Thục Hưng 6 có ẩm độ cao, khi ngâm ủ có tỷ lệ nảy mầm thấp, khi gieo mạ xuất hiện nấm có mốc trắng gây bức xúc cho nông dân ở một số xã của huyện: Việt Yên, Tân Yên, Lục Nam...; giá giống lúa lai còn rất cao trung bình khoảng trên 80.000 đồng/kg, cao gấp hơn 4 lần so với giá giống lúa thuần... Nguyên nhân của những hạn chế trên là do một số lãnh đạo và cán bộ chuyên môn chưa có kinh nghiệm nhiều trong công tác chỉ đạo sản xuất lúa lai ở địa phương; nguồn cung ứng giống lúa lai trong nước chưa đáp ứng đủ, các giống lúa lai phục vụ cho đề án chủ yếu nhập từ Trung Quốc; công tác quản lý giống lúa lai còn gặp nhiều khó khăn; nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh cấp cho đề án lúa lai chỉ đáp ứng được 59,5% nhu cầu kinh phí theo kế hoạch nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đề án, cụ thể như kế hoạch sản xuất lúa lai vụ Chiêm Xuân 2010 - 2011...

Từ thành công của đề án, ngày 26/10/2011 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 397/QĐ-UBND về việc tiếp tục hiện Đề án phát triển lúa lai đến hết năm 2013 với mục tiêu phấn đấu năm 2012, diện tích gieo cấy lúa lai toàn tỉnh đạt 17.000 ha, chiếm khoảng 15,5% diện tích gieo cấy lúa của cả tỉnh, trong đó vụ xuân là 14.000 ha, vụ mùa là 3.000 ha; năm 2013 diện tích gieo cấy lúa lai đạt khoảng 20.000 ha, chiếm khoảng 18,2% diện tích gieo cấy lúa toàn tỉnh, trong đó vụ xuân là 15.000 ha, vụ mùa là 5.000 ha. Các giống lúa lai được đưa vào sử dụng là: SYN 6, BTE-1 Q ưu số 1, Thục Hưng 6, Đắc ưu 11... Để khuyến khích người dân tham gia sản xuất, UBND tỉnh đã trích ngân sách hỗ trợ giá giống cho cả vụ xuân và vụ mùa năm 2012 và năm 2013. Theo đó, năm 2012 hỗ trợ là 30.000 đồng/kg, tương đương với 30% giá

thóc giống; năm 2013 hỗ trợ 20.000 đồng/kg, tương đương với 20% giá thóc giống. Định mức hỗ trợ là 28 kg thóc giống/ha, tương đương với 1 kg/sào. Tổng kinh phí thực hiện đề án là 25,48 tỷ đồng, trong đó năm 2012 là 14,28 tỷ đồng, năm 2013 là 11,2 tỷ đồng. Cùng đó giao nhiệm vụ cho Sở Tài chính cấp kinh phí thực hiện đề án; phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT giám sát việc triển khai bảo đảm đúng nguyên tắc quản lý tài chính theo các quy định hiện hành. Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT giao chỉ tiêu cụ thể hàng năm cho các huyện, thành phố; đôn đốc và kiểm tra tiến độ thực hiện của các địa phương; đồng thời tiếp tục lựa chọn những giống lúa lai mới có tiềm năng về năng suất, chất lượng để bổ sung thêm vào cơ cấu bộ giống lúa lai của tỉnh ở những vụ sau. UBND các huyện, thành phố chủ động hướng dẫn người dân xây dựng quy hoạch vùng sản xuất lúa lai, có biện pháp triển khai, tổ chức thực hiện đề án đạt và vượt kế hoạch đề ra, thực hiện hỗ trợ đến tận tay người nông dân, tổng kết rút kinh nghiệm kết quả triển khai thực hiện ở địa phương mình, nhân ra diện rộng khi đề án kết thúc. Các cơ quan thông tin đại chúng cần tuyên truyền chủ trương, chính sách tiếp tục phát triển lúa lai đến các địa phương và đông đảo nhân dân được biết, đưa tin bài nêu gương các điển hình, các đại phương, tổ chức làm tốt trong sản xuất lúa lai./.

# **10 SỰ KIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NỔI BẬT NĂM 2011**

**N**gày 23/12, Câu lạc bộ Nhà báo Khoa học và Công nghệ công bố 10 sự kiện khoa học - công nghệ nổi bật năm 2011.

Đây là kết quả bình chọn khách quan của hơn 40 nhà báo thuộc các cơ quan truyền thông đại chúng của Trung ương và địa phương, với mục đích động viên, ghi nhận và tôn vinh những cống hiến của các nhà khoa học, tập thể các nhà khoa học đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong năm qua.

## **1. Đề án “Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ”**

Đề án “Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ” do GS.VS Phan Huy Lê làm chủ nhiệm. Kết quả nghiên cứu của đề án đã xác lập được các vấn đề có tính phương pháp luận trong tiếp cận nghiên cứu vùng đất Nam Bộ; làm rõ được quá trình lịch sử, các đặc trưng kinh tế, xã hội, văn hoá và thiết chế quản lý phục vụ các nhiệm vụ phát triển, bảo đảm an ninh quốc phòng ở vùng đất Nam Bộ; xây dựng cơ sở khoa học làm rõ và khẳng định cơ sở pháp lý chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam ở vùng đất Nam Bộ phù hợp với thông lệ quốc tế.

## **2. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia**

Ngày 5/8, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định thành lập Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia. Với vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng được cấp từ ngân sách nhà nước về hoạt động khoa học - công nghệ, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia là tổ chức tài chính Nhà nước, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, có chức năng cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn, hỗ trợ vốn cho các tổ chức, cá nhân và doanh

nh nghiệp thực hiện nghiên cứu, chuyển giao, đổi mới và hoàn thiện công nghệ.

## **3. Dành kinh phí lớn nhất cho dự án khoa học và công nghệ**

Ngày 24/11, Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ, Nguyễn Quân công bố Dự án thiết kế và chế tạo chip, thẻ và đầu đọc được đầu tư 145,7 tỉ đồng. Dự án thiết kế và sản xuất chip xử lý 32 bit theo công nghệ RFID (Radio Frequency Identification – nhận dạng bằng sóng radio) và UHF thành sản phẩm hàng hoá để ứng dụng trong các lĩnh vực có liên quan đến thông tin cá nhân như chứng minh nhân dân điện tử, thẻ ra vào; kiểm soát chất lượng hàng hoá...

## **4. Giáo sư Hoàng Tụy được tặng giải thưởng toán học “Constantin Caratheodory Prize”**

Giải thưởng Constantin Caratheodory được đặt theo tên nhà toán học lừng danh người Hy Lạp (1873 - 1950) để vinh danh những cống hiến xuất sắc đã được thử thách qua thời gian. GS Hoàng Tụy sinh năm 1927, là Tiến sĩ toán học, nghiên cứu hàm thực, lý thuyết tối ưu, giải tích lồi, toán kinh tế. Ông được coi là nhà toán học mở đường cho một chuyên ngành toán học mới, là “cha đẻ của tối ưu toàn cục”.

## **5. Lò phản ứng hạt nhân Đà Lạt được khởi động trở lại bởi chính các nhà khoa học Việt Nam**

Đây là một sự kiện đáng ghi nhớ không chỉ có ý nghĩa trong việc thể hiện chính sách nhất quán của Việt Nam là sử dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình và cam kết không phổ biến vũ khí hạt nhân. Sự kiện này còn

đánh dấu một trong những điểm mốc quan trọng trên con đường phát triển của ngành năng lượng nguyên tử Việt Nam. Lần đầu tiên trong lịch sử đội ngũ vận hành chỉ gồm những kỹ sư Việt Nam đã khởi động thành công lò phản ứng hạt nhân.

### **6. Hội nghị Bộ trưởng các nước ASEAN về khoa học và công nghệ**

Từ ngày 21 đến 26/11, Việt Nam đã tổ chức và chủ trì thành công Hội nghị Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ ASEAN lần thứ 14 (AMMST-14) và Hội nghị Ủy ban Khoa học và Công nghệ ASEAN lần thứ 62 (COST-62) tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **7. Giàn khoan tự nâng 90 m nước**

Ngày 10/9, tại Khu cảng Dầu khí Vũng Tàu, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đã tổ chức lễ hạ thủy giàn khoan tự nâng 90 m nước, sau 26 tháng thi công, giàn khoan khai thác khí mỏ Mộc Tinh. Đây là công trình cơ khí trọng điểm quốc gia lần đầu tiên được thiết kế chi tiết và lắp dựng tại Việt Nam. Việt Nam trở thành 1 trong 3 nước Châu Á và 1 trong 10 nước trên thế giới thiết kế chi tiết và lắp dựng giàn khoan tự nâng đạt tiêu chuẩn quốc tế.

### **8. Máy soi cắt lớp điện toán trong công nghiệp**

Các nhà khoa học thuộc Trung tâm Ứng dụng kỹ thuật hạt nhân trong công nghiệp (thuộc Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam) đã thiết kế chế tạo thành công máy soi cắt lớp điện toán trong công nghiệp.

Đây là loại máy do các nhà khoa học trong nước viết phần mềm và chế tạo bằng 100% các thiết bị của Việt Nam.

Cơ quan Nguyên tử quốc tế ( IAEA ) đã quyết định đặt mua 6 máy nói trên và chuyển tới 6 nước Thái Lan, Phi - lip - pin, Pakistan, Myanmar, Indonesia, Sri Lanka; đồng thời giao cho trung tâm mở lớp chuyển giao công nghệ cho cán bộ kỹ thuật của 6 nước tiếp nhận máy.

### **9. Vận hành dây chuyền sản xuất thiết bị điện tử viễn thông hiện đại nhất Đông Nam Á**

Trung tâm sản xuất Điện tử Viettel

chính thức đưa vào vận hành dây chuyền sản xuất thiết bị điện tử viễn thông có công nghệ hiện đại nhất khu vực Đông Nam Á. Dây chuyền có tổng giá trị đầu tư hơn 200 tỷ đồng, hoàn toàn do người Việt Nam tự xây dựng cấu hình, lựa chọn, lắp đặt, vận hành các thiết bị hiện đại, tiết kiệm kinh phí đầu tư.

### **10. Phẫu thuật nội soi cắt khối tá - tụy tại Bệnh viện 103**

Tháng 10/2011, các bác sĩ Khoa Ngoại Bụng (B2) – Bệnh viện 103 (Hà Nội) đã phẫu thuật nội soi thành công cắt khối tá - tụy. Đây là loại phẫu thuật khó nhất, phức tạp nhất, là kỹ thuật đỉnh cao trong các phẫu thuật ở ổ bụng. Thành công của ca phẫu thuật đã mở ra một hướng nghiên cứu mới rất khả quan, không chỉ để chứng minh cho tính hiệu quả và an toàn của phẫu thuật nội soi ổ bụng mà còn mở ra khả năng ứng dụng rộng rãi của phương pháp nói trên, kể cả đối với những trường hợp bệnh lý phức tạp./.

*BBT*



## THUỐC ĐIỀU TRỊ VIÊM MŨI DỊ ỨNG MÙA XUÂN

*Mùa xuân là mùa đẹp nhất trong năm, nhưng nó cũng là mùa mà bệnh viêm mũi dị ứng xuất hiện nhiều nhất. Tuy không nguy hại tới tính mạng nhưng viêm mũi dị ứng khiến người bệnh rất khó chịu, gây trở ngại trong sinh hoạt và những điểm trở ngại này là mục tiêu chính của tiến trình điều trị.*

Mùa xuân tuy khí hậu có ấm áp hơn mùa đông nhưng vẫn còn những đợt không khí lạnh xen kẽ độ ẩm không khí cao. Trong tiết trời lúc ấm, lúc lạnh rất dễ bị viêm mũi dị ứng. Chỉ cần tối hôm trước ấm nhưng sáng hôm sau lạnh là bạn có thể bị viêm mũi dị ứng ngay do hơi lạnh kích thích. Mùa xuân cũng là mùa của hoa nở và ong bướm tìm nhụy, chúng ta có thể không nhìn thấy nhưng trong không khí rất nhiều phấn hoa và bụi mịn tồn tại. Những tác nhân này là yếu tố gây dị ứng.

Tuy không nguy hại tới tính mạng nhưng viêm mũi dị ứng khiến người bệnh rất khó chịu, gây trở ngại trong sinh hoạt. Đó là các triệu chứng chảy mũi và ngạt mũi: Nước mũi loãng và trong cứ chảy ròng ròng khiến người bệnh liên tục phải dùng khăn để lau. Khi bị viêm mũi dị ứng, người bệnh có thể hắt hơi. Nếu hắt hơi nhiều cũng khiến người bệnh mệt mỏi. Khi ở công sở hoặc nơi đông người thì hắt hơi thực sự là một điều bất tiện. Hiệu quả điều trị của viêm mũi dị ứng phải được định giá bằng nhiều chỉ tiêu, trong đó có việc cắt cơn chảy dịch mũi và những tràng hắt hơi này.

Cuối cùng, mục tiêu quan trọng nhất trong điều trị viêm mũi dị ứng là cắt cơn tái phát. Điều này được thực hiện bằng việc dùng các thuốc khống chế làm sao cho việc tái phát giảm xuống mức thấp nhất trong ngày.

### Các thuốc thường dùng

Có rất nhiều loại thuốc khác nhau với nhiều dạng bào chế khác nhau được sử dụng điều trị bệnh viêm mũi dị ứng, nhưng có thể

phân ra ba nhóm thuốc sau:

**Thuốc chống chảy mũi:** Trong viêm mũi dị ứng, dịch mũi được tạo ra do mạch máu giãn nhiều, nước trong mạch máu thấm qua thành mạch tạo ra từng dòng dịch mũi. Thuốc chống chảy mũi có tác dụng làm co mạch máu mũi do tác động vào thụ cảm thể alpha của adrenalin trên thành mạch. Sau khi gắn vào các thụ cảm thể đặc hiệu, chúng sẽ gây co mạch ngay tức thì và nhanh chóng khống chế được tình trạng chảy dịch mũi. Đại diện điển hình của nhóm thuốc này như ephedrin, xylometozalin, naphazolin...

Khi dùng thuốc chống chảy mũi, người bệnh không nên ngoáy mũi liên tục vì sẽ làm mạch máu bị kích thích và lại giãn ra, thuốc sẽ mất tác dụng. Cũng không nên dùng các gia vị như ớt, tiêu, mù tạt, tỏi sống (vì sẽ kích thích chảy nước mũi). Không dùng chung các thuốc chống chảy mũi đồng thời với dầu gió vì các thuốc này và dầu gió có tác dụng trái ngược nhau sẽ làm triệt tiêu lẫn nhau.

**Thuốc chống viêm:** Các thuốc chống viêm tỏ ra khá công hiệu trong bệnh viêm mũi dị ứng. Mặc dù thuốc không ảnh hưởng tới chất trung gian hóa học histamin, vốn được coi là một chất tâm điểm của phản ứng dị ứng, nhưng nó lại tác động vào các trung gian hóa học khác như prostaglandin, leukotrien. Thuốc làm giảm tổng hợp, giảm giải phóng và giảm sự hoạt hóa các chất này. Biểu hiện bên ngoài là người bệnh cảm thấy nhẹ nhàng hơn, bớt choáng váng hơn, dễ chịu hơn. Đại diện cho nhóm này là các thuốc như: Acid salicylic, prenisolon, medrol...

Tuy nhiên, khi dùng thuốc này cần lưu ý,

không nên uống thuốc vào thời điểm đói hay trước bữa ăn (vì sẽ gây kích thích đường tiêu hóa, viêm loét dạ dày, đặc biệt đối với những trường hợp mắc cảm). Nên uống thuốc sau ăn hoặc ngay trong khi ăn. Trường hợp phải dùng thêm corticoid trong liệu trình điều trị, thì nên uống các thuốc corticoid sau 8 giờ sáng. Vì khi đó, corticoid nội sinh được tiết ra trong cơ thể, vừa làm tăng hiệu quả của thuốc lại vừa không gây ra suy tuyến thượng thận.

Thuốc kháng histamin ở thụ thể H1: Thuốc kháng histamin ở thụ thể H1 đóng vai trò là thuốc chủ đạo nhất trong điều trị bệnh viêm mũi dị ứng. Chúng thể hiện tác dụng thông qua vai trò gắn kết cạnh tranh với histamin tại thụ thể H1 làm các histamin không thể gắn được vào thụ thể này. Gần như tất cả các thụ thể H1 được gắn bởi thuốc, không có vai trò gây dị ứng, còn các histamin thì dư thừa trong máu và bị thoái biến dần.

Các thuốc này bao gồm: Clopheniramin, promethazin, alimemazin, cetirizin, loratadin... Thuốc có tác dụng làm ngừng trệ bệnh viêm mũi dị ứng theo đúng nghĩa vì làm bất hoạt hoàn toàn các cơ chế của dị ứng. Tuy nhiên, nếu dùng trong viêm mũi dị ứng thì phải dùng ngay từ đầu, nếu dùng khi bệnh đã đạt đỉnh thì thuốc sẽ chậm phát huy tác dụng. Lý do không phải vì thuốc hiệu quả kém mà vì nồng độ histamin quá cao và thường lấn át thuốc.

Tuy nhiên, cần thận trọng với tác dụng phụ gây buồn ngủ hoặc ngủ gà của các thuốc này, nhất là đối với các thuốc kháng histamin thế hệ 1 như clopheniramin, promethazin./.

**BS. Huyền Trang**

### Vũ Từ Sơn

## QUA CẦU ĐỈNH ĐỈNH

Đủng đỉnh qua cầu Đủng Đỉnh  
Trăng soi đáy nước rợn rùng  
Em về Lục Sơn quê mẹ  
Nhớ ngày đủng đỉnh anh sang

Đủng Đỉnh một chiều tong tả  
Cầu cao phong cảnh hữu tình  
Quê mình Lục Nam thượng võ  
Diệu kỳ chót vót Huyền Đỉnh

Đủng đỉnh qua cầu Đủng Đỉnh  
Nhớ xưa Đề Thám công đồn  
Vua Trần khai thông Yên Tử  
Đường đời ai dại, ai khôn...?

### Hồng Nhung

## CHUỒI XUAÂN

Xuaân veàmuoân vaãn saéc hoa  
Daân giao nồoừ maĩnh thaĩ laovui tồo  
Gaỷ nhau ta nồunũ cồo  
Ngồi buả laĩ nhồomỏĩ thồo ãnãqua...

# DỰ ÁN TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN KIẾN THỨC VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRÊN ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH TỈNH BẮC GIANG

**Chủ nhiệm dự án:** KS. Lê Hải Bằng

**Cơ quan chủ trì:** Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN

**Thời gian thực hiện:** Từ 01/2010 đến tháng 12/2010

## I. MỤC TIÊU

- Nâng cao hiểu biết của người dân, các doanh nghiệp, đơn vị, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong địa bàn tỉnh Bắc Giang về lĩnh vực SHTT để chấp hành và tôn trọng quyền và nghĩa vụ theo Luật SHTT.

- Tạo cơ hội giao lưu giữa người tiêu dùng, doanh nghiệp tại Bắc Giang với các chuyên gia trong lĩnh vực SHTT về những vấn đề cụ thể liên quan đến việc xác lập quyền và thực thi quyền SHTT.

- Giúp các cơ quan quản lý nhà nước các cấp hiểu rõ vai trò và tầm quan trọng trong việc hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp xác lập quyền SHTT.

## II. NỘI DUNG

- Xây dựng 44 chương trình tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ trên Đài PT&TH Bắc Giang.

- Tuyên truyền bằng các hình thức khác: Phát tờ rơi, băng rôn quảng cáo, thành lập các đoàn cổ động cho chương trình và đăng trên các phương tiện thông tin như: Trang thông tin Sở KH&CN, Hội Nông dân, đăng trên Báo Bắc Giang,...

## III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

### 1. Kết quả thực hiện nội dung của dự án

Đã hoàn thành 44 chương trình phát sóng trên Đài BBS như sau:

**Bản tin (4')** gồm có 2-3 tin trong nước và quốc tế (kèm theo hình ảnh tùy theo từng số), 1-2 tin trong tỉnh (kèm theo hình ảnh số nào cũng

có). Bản tin rất cụ thể, thiết thực, phù hợp với người xem. Tin luôn là nóng, phản ánh kịp thời những vấn đề liên quan đến sở hữu trí tuệ đang diễn ra hàng ngày. Kết quả đã thực hiện được 220 tin, trong đó phần tin trong tỉnh là 88 tin, trong nước và thế giới là 132 tin (nhiều tin hình ảnh được phản ánh trực tiếp tại các doanh nghiệp).

**Phóng sự/toạ đàm (10')**: Đây là chuyên mục đòi hỏi có sự cộng tác nhiệt tình của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh và dịch vụ trong tỉnh. Do vậy, chúng tôi đã lựa chọn những đơn vị đã thành công trong việc bảo hộ văn bằng SHTT và cả những đơn vị chưa biết đến lĩnh vực này nhằm nêu những điểm mạnh, yếu và sự cần thiết của chương trình đến với doanh nghiệp và công chúng. Kết quả đã thực hiện được 40 phóng sự, 4 buổi tọa đàm (mời các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp cùng tham gia) phản ánh thực trạng và kết quả của việc xác lập và bảo vệ quyền đối với tài sản trí tuệ đã được bảo hộ tại các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

**Hỏi - đáp pháp luật (4')**: Mục Hỏi - đáp pháp luật dự án đã mời các chuyên gia của Công ty Investip trả lời các câu hỏi của người dân, các doanh nghiệp và các nhà quản lý của tỉnh. Mục này chủ yếu là giải đáp những vấn đề khó hiểu để người xem hiểu biết. Kết quả các chuyên gia đã thực hiện được gần 200 câu hỏi và thắc mắc, kiến nghị mà các doanh nghiệp và người dân nêu cho chương trình.

**Tương tác truyền hình (2')**: Mục Tương tác

truyền hình gồm các tiểu phẩm/tình huống, nêu câu hỏi, công bố giải thưởng; giải đáp kỳ trước và công bố người trúng giải kỳ trước.

Chương trình “**Sở hữu trí tuệ và cuộc sống**” có lịch phát sóng ổn định, đều đặn đúng lịch và phát lại ít nhất một lần. Đây cũng là một chương trình mà Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Giang ưu tiên phát sóng nhiều hơn kế hoạch được thực hiện trong năm 2010.

### 2. Một số kết quả khác của dự án

- Dự án đã tổ chức 2 cuộc Hội thảo khoa học với hàng trăm đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân và các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh tham dự. Nhiều ý kiến tham luận đóng góp cho chương trình, nhìn chung là ủng hộ và đề nghị chương trình được tiếp tục thực hiện trong thời gian tới, vì đây là vấn đề khó mà các doanh nghiệp và người dân đang từng bước tiếp cận.

- Dự án đã triển khai một trang chuyên trên Báo Bắc Giang với chủ đề “sở hữu trí tuệ và cuộc sống”, có 15 tin, 15 chuyên mục và 9 bài viết, nhiều hình ảnh được đăng tải trên Báo Bắc Giang mỗi tuần một chuyên trang định kỳ, có hình Logo của chương trình làm điểm nhấn cho phần tin.

- Trang Thông tin của Sở KH&CN, Hội Nông dân tỉnh thường xuyên được cập nhật, tin bài, ảnh... các hoạt động của chương trình đều đặn, thường xuyên, đây cũng là kênh thông tin nhanh nhất không chỉ với bạn đọc trong tỉnh mà còn giao lưu với cả nước và trên mạng Internet toàn cầu (nhiều tỉnh đã đến Trung tâm để tham quan học tập).

- Dự án đã thiết kế lắp đặt Panô lớn và hàng chục băng rôn, cờ mang biểu tượng của chương trình trên những nơi đông người qua lại để giới thiệu về chương trình.

- Dự án đã tổ chức nhiều nhóm tiếp thị, quảng cáo chương trình thông qua hình thức phát tờ rơi tại thành phố Bắc Giang, 9 huyện, các khu, cụm công nghiệp trong tỉnh.

- Phát động Đoàn thanh niên mang băng

rôn, tờ rơi diễu hành quảng bá thông tin về chương trình.

### 3. Sản phẩm dự án

Hoàn thành 44 chương trình “sở hữu trí tuệ và cuộc sống” trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bắc Giang đúng theo kế hoạch, sản phẩm đã được sao lưu vào đĩa VCD/DVD gồm 3 bộ mỗi bộ 44 đĩa chương trình (đã gửi về Cục SHTT để tham gia Hội thảo toàn quốc và trình chiếu tại Hội thảo của Sở KH&CN Bắc Giang).

Bản tin đăng trên Báo Bắc Giang; đăng trên trang thông tin điện tử của Sở KH&CN, Hội Nông dân tỉnh; 01 Panô lớn, hơn 20 băng cờ mang biểu tượng của chương trình đặt tại Sở KH&CN, đường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Bắc Giang; 01 phong chính của trường quay; 1.000 tờ rơi các loại tại các điểm tập trung đông người.

Báo cáo kết quả thực hiện dự án và các văn bản khác theo qui định.

Sản phẩm là một mô hình dự án tuyên truyền, phổ biến kiến thức về Luật SHTT nói

riêng, về thông tin KH&CN nói chung rất hiệu quả và thiết thực.

## IV. HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN

### 1. Hiệu quả kinh tế

Không tính thời gian từ trước, chỉ tính từ khi có Luật SHTT ra đời đến năm 2009 có 195 văn bằng được cấp thì trong năm thực hiện dự án, đặc biệt là 6 tháng cuối năm 2010 đã có 289 số văn bằng đã được cấp tăng gần 100 văn bằng so với nhiều năm trước. Do vậy, uy tín của các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ được nâng lên, giá trị kinh tế sẽ cao và phát triển trong xu thế hội nhập.

### 2. Hiệu quả xã hội

Do được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ một cách bài bản, đều đặn, chương trình hấp dẫn nên số lượng người dân và doanh nghiệp tiếp xúc với chương trình ngày càng nhiều, nhận thức tăng lên, số văn bằng được bảo hộ gia tăng, số vi phạm do thiếu hiểu biết về kiến thức SHTT hy vọng sẽ giảm, sản xuất phát triển, cạnh tranh lành mạnh đó là phần thưởng quý giá của một dự án KH&CN được người dân, các doanh nghiệp ủng hộ hưởng ứng.

### 3. Hiệu quả mở rộng

Từ những hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội dự án tuyên truyền, phổ biến kiến thức về SHTT thực hiện trong năm 2010 qua Hội thảo khoa học, qua trực tiếp làm việc với các doanh nghiệp tham gia chương trình, qua người dân xem truyền hình, đặc biệt là số khán giả tham gia trả lời câu hỏi của chương trình thì đây là một dự án thành công nhiều mặt, đặc biệt là mô hình cho việc tuyên truyền về KH&CN đến với công chúng, dự án giúp cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, các nhà quản lý và các tổ chức tư vấn cho doanh nghiệp trong việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ được đẩy mạnh.

## V. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

### 1. Kết luận

Dự án tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã hoàn thành 44 chương trình, hàng trăm tin, bài viết phổ biến về SHTT trên các phương tiện

thông tin khác như: Trang thông tin điện tử, Báo Bắc Giang, Hội Nông dân tỉnh, trên các ấn phẩm thông tin KH&CN. Chương trình đã sao lưu trên đĩa VCD/DVD để lưu trữ và làm tài liệu tuyên truyền. Chương trình “Sở hữu trí tuệ và cuộc sống” là một đóng góp đáng kể trong việc phổ biến văn bản Luật nói chung và Luật SHTT nói riêng, từ đó nâng cao nhận thức của người dân trong việc hiểu và thực hiện pháp luật.

Dự án giúp cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hiểu rõ kiến thức và nắm chắc Luật SHTT trong việc xác lập, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của mình và tránh vi phạm pháp luật; giúp cho các nhà quản lý đẩy mạnh việc hỗ trợ các doanh nghiệp trong thực thi quyền SHTT; giúp cho người dân hiểu và ủng hộ những tổ chức, cá nhân áp dụng quyền SHTT, cạnh tranh lành mạnh trên thị trường.

Dự án là một mô hình mẫu trong việc tuyên truyền về SHTT nói riêng và tuyên truyền về Luật KH&CN nói chung, đặc biệt là việc nhân rộng các dự án KH&CN.

### 2. Đề nghị

Đây là một dự án có tác động sâu rộng, mục tiêu cao và kiến thức khó nên cần phải được đề cập lâu dài, liên tục và có nhiều hình thức tuyên truyền phong phú hơn nữa.

Dự án cần được tiếp tục thực hiện vào những năm tiếp theo, phát huy hiệu quả đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, huy động các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân cùng tham gia./.

**BBT**



Nguyễn Xuân Độ

## **Náo Nức Xuân**

*Náo nức xuân về tươi sắc nắng  
Bừng lên hơi ấm sáng tương lai  
Dân tin theo Đảng ngời chân lý  
Phát triển đổi thay những bước dài*

*Lộc nảy xanh cành hoa kết trái  
Đào tươi đất Bắc, thắm Nam mai  
Thành công đại hội khai nguồn sáng  
Vững bước đi lên tựa sức trai*

*Hội nhập năm châu tân khách đến  
Thăm quan du lịch khắp muôn nơi  
Kinh tế thăng hoa cùng đất nước  
Ấm no hạnh phúc nhớ công Người*

*Thắm đỏ cờ hoa non nước Việt  
Dâng lên đại hội đoá hoa tươi  
Tình dân nghĩa Đảng thêm bền vững  
Nước mạnh dân giàu mãi đẹp tươi./.*

# CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG VÀ DỰ TOÁN NSNN VỀ KH&CN NĂM 2012

**T**hực hiện Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc giao dự toán ngân sách nhà nước, kế hoạch đầu tư phát triển nguồn vốn NSNN năm 2012; Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 29/12/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch kinh phí hoạt động sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2012.

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 373/QĐ-KHCN ngày 30/12/2011 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh phí cho hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN năm 2012; Quyết định số 368/QĐ-KHCN ngày 30/12/2011 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh phí hoạt động sự nghiệp KH&CN năm 2012; Quyết định số 11/QĐ-KHCN ngày 10/1/2012 về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2012 cho các đơn vị thuộc Sở, các phòng chuyên môn QLNN về KH&CN ở cấp huyện, Hội đồng KHCN của một số ngành trong tỉnh.

Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch, dự toán thu chi NSNN đúng thời gian quy định đã tạo điều kiện cho các đơn vị triển khai công việc ngay từ đầu năm và là bước khởi đầu thuận lợi cho việc phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch hoạt động 2012./.

Nguyễn Thị Phương Lan

## TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CHUYỂN GIAO TIẾN BỘ KỸ THUẬT VÀO XÃ ĐIỂM NÔNG THÔN MỚI

**S**áng ngày 11/01/2012 tại Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức Hội nghị Triển khai kế hoạch chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào xã điểm nông thôn mới do Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ – Sở KH&CN chủ trì. Tham dự có đại diện Sở KH&CN; Phòng Nông nghiệp, Trạm Khuyến nông, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm KHCN&MT các huyện; đại diện UBND, cán bộ Khuyến nông của các xã nằm trong chương trình xây dựng nông thôn mới.

Năm 2011, Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ đã triển khai thành công trên toàn tỉnh 12 mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ. Dự kiến năm 2012 sẽ chuyển giao 15 mô hình ứng dụng đến các địa phương chủ yếu là tập trung ở 5 xã điểm trong chương trình xây dựng nông thôn mới gồm các xã Quang Tiến, Cao Thượng (Tân Yên); Việt Tiến, Bích Sơn (Việt Yên) và Tân Hưng (Lạng Giang). Tại Hội nghị đại biểu tham dự đã được nghe giới thiệu các tiến bộ khoa học kỹ thuật về xử lý môi trường, kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi sẽ đưa vào triển khai trong năm 2012.

Thông qua hội nghị các đại biểu tham dự đã nắm rõ các kỹ thuật mới để ứng dụng vào đời sống và sản xuất nhằm đẩy mạnh quá trình xây dựng nông thôn mới tại địa phương./.

Hoàng Thoa

### NGHIỆM THU ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KH&CN CẤP TỈNH

**N**gày 12/01/2012, Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã tiến hành nghiệm thu đề tài nghiên cứu KH&CN cấp tỉnh: “Nghiên cứu đánh giá chất lượng đất nông nghiệp làm căn cứ khoa học phục vụ bố trí cây trồng hợp lý cho huyện Hiệp Hòa” do TS. Nguyễn Quang Hải - Viện Thổ nhưỡng Nông hóa làm chủ nhiệm. Hội đồng nghiệm thu do ông Lương Văn Thành làm chủ tịch.

Đề tài được thực hiện trong 02 năm từ 2010 - 2011. Đến nay, đề tài đã xây dựng thành công bộ cơ sở dữ liệu về đất, bộ cơ sở dữ liệu về tài nguyên đất và cây trồng. Cung cấp bản đồ hiện trạng sử dụng đất ở các xã tỷ lệ 1/5.000 và huyện Hiệp Hòa tỷ lệ 1/10.000; Bản đồ đất huyện Hiệp Hòa tỷ lệ 1/10.000 và các xã tỷ lệ 1/5.000; Bản đồ đơn vị đất đai huyện Hiệp Hòa tỷ lệ 1/10.000; Bản đồ thích hợp đất đai huyện Hiệp Hòa tỷ lệ 1/10.000; Bản đồ đề xuất bố trí cơ cấu cây trồng huyện Hiệp Hòa, tỷ lệ 1/10.000 làm căn cứ khoa học phục vụ công tác quy hoạch bố trí cơ cấu cây trồng phù hợp, sử dụng tài nguyên đất hợp lý, hiệu quả nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở huyện Hiệp Hòa.

Hội đồng nghiệm thu đánh giá cao kết quả thực hiện và khả năng nhân rộng của đề tài./.

PV

### TỔNG KẾT CÔNG TÁC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2011, TRIỂN KHAI CÔNG TÁC KH&CN NĂM 2012

**S**áng ngày 17/01/2012 tại Sở Khoa học và Công nghệ đã tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác KH&CN năm 2011, triển khai công tác KH&CN năm 2012. Tham dự có đại diện UBND tỉnh, các sở ban ngành trong tỉnh, lãnh đạo Sở KH&CN; Chủ tịch Hội đồng KH&CN các huyện, thành phố cùng toàn thể cán bộ công chức, viên chức và lao động của Sở.

Hội nghị thông qua báo cáo kết quả công tác Khoa học và Công nghệ năm 2011, phương hướng nhiệm vụ năm 2012. Với những kết quả đã đạt được ngành Khoa học và Công nghệ tỉnh được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tặng Bằng khen cho 03 tập thể và 5 cá nhân; UBND tỉnh tặng bằng khen cho 3 tập thể đạt Lao động xuất sắc, 7 tập thể đạt Lao động tiên tiến và 05 cá nhân có thành tích xuất sắc; Lãnh đạo Sở tặng giấy khen cho 3 tập thể, 14 cá nhân đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, 59 cá nhân đạt danh hiệu Lao động tiên tiến; 19 cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác khoa học và công nghệ năm 2011; 01 cá nhân được Giám đốc Sở Nội vụ tặng giấy khen; 01 cá nhân được Chánh văn phòng UBND tỉnh tặng giấy khen.

Nối tiếp những kết quả đạt được của năm 2011, năm 2012 ngành Khoa học và Công nghệ của tỉnh nói riêng và cả nước nói chung sẽ gặt hái được nhiều thành công hơn nữa góp phần vào sự phát triển kinh tế của đất nước./.

Hoàng Thoa

# NGHIỆM THU ĐỀ TÀI KHOA HỌC

**S**ở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang vừa tổ chức họp Hội đồng nghiệm thu kết quả 02 đề tài nghiên cứu khoa học lĩnh vực y tế - chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Đề tài thứ nhất: Nghiên cứu thực trạng và các yếu tố tác động đến việc sử dụng các biện pháp tránh thai, đề xuất các giải pháp tăng cường hiệu quả các biện pháp tránh thai, do Sở Y tế tỉnh Bắc Giang chủ trì thực hiện.

Đề tài thứ hai: Nghiên cứu mô hình tăng cường cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe đến người dân ở những bản làng xa, khó khăn ở huyện Lục Nam tỉnh Bắc Giang, do Bệnh viện Đa khoa huyện Lục Nam chủ trì thực hiện.

Cả hai đề tài trên được thực hiện trong 2 năm từ 2010 đến 2011.

Đối với đề tài nghiên cứu khoa học do Sở Y tế thực hiện đã đánh giá được kết quả điều tra về việc sử dụng các biện pháp tránh thai của các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ ở tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2007 - 2009. Kết quả đề tài đã đưa ra được các giải pháp để nâng cao tỷ lệ và hiệu quả sử dụng các biện pháp tránh thai trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Đề tài do Bệnh viện Đa khoa huyện Lục Nam thực hiện cũng đưa ra được Mô hình tăng cường cung ứng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân tại các làng bản xa, khó khăn tại hai thôn ở xã Trường Sơn, huyện Lục Nam; kết quả điều tra đánh giá thực trạng chăm sóc sức khỏe ở địa bàn nghiên cứu trước can thiệp và hiệu quả của mô hình sau can thiệp.

Hội đồng nghiệm thu đánh giá cao kết quả nghiên cứu của các đề tài trên và các thành viên Hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả của 2 đề tài đạt loại xuất sắc./.

*PV*

## HỌP BAN CHỈ ĐẠO ISO TỈNH BẮC GIANG

**C**hiều ngày 14/2/2012 tại Sở Khoa học và Công nghệ đã diễn ra buổi họp Ban Chỉ đạo ISO tỉnh do ông Bùi Văn Hạnh – PCT UBND tỉnh, Trưởng ban Chỉ đạo chủ trì. Tham dự có các thành viên trong Ban và Tổ giúp việc chuyên môn.

Căn cứ vào Quyết định số 144/2006/QĐ-TTg (đã sửa đổi) về việc áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào quản lý các cơ quan hành chính nhà nước từ cấp Bộ đến cấp xã; mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng cho các loại hình cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương. Hiện nay trên địa bàn tỉnh đã có 42 đơn vị hành chính nhà nước triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 giai đoạn 2011-2013. Theo tổng hợp của Ban Chỉ đạo hiện có 35/42 đơn vị đã được cấp kinh phí và 36/42 đơn vị đã được cấp giấy chứng nhận.

Để tiếp tục xây dựng áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng trong các cơ quan hành chính nhà nước năm 2012 ông Bùi Văn Hạnh – Trưởng ban Chỉ đạo ISO đã quán triệt các thành viên trong ban chỉ đạo trực tiếp hướng dẫn chi tiết cho các đơn vị tăng cường tuyên truyền, tổ chức các lớp tập huấn, kiểm tra định kỳ hệ thống ISO trong quản lý nhà nước, đề nghị các cơ quan phải tiếp tục xây dựng, duy trì và mở rộng bổ sung thêm các quy trình để hệ thống ISO áp dụng trên địa bàn tỉnh ngày một hoàn thiện hơn./.

**Hoàng Thoà**